

Số: 04/KH – TMN20/7

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non.

Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Công văn số 4445/UBND-KGVX ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ văn bản số:377 /UBND-VHXX ngày 21/8/2025 của UBND xã Tuần Giáo v/v triển khai thực hiện Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026

Căn cứ Kế hoạch số 02/KH-MN20/7 ngày 22/8/2025 Kế hoạch phát triển nhà trường năm học 2025 – 2026 của Hiệu trưởng trường Mầm non 20/7

Căn cứ Kế hoạch số 2615/KH- SGDĐT ngày 29/8/2025 Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2025 – 2026

Căn cứ văn bản số: 470/UBND-VHXX ngày 04/9/2025 của UBND Xã Tuần Giáo V/v triển khai Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Giáo dục mầm non năm học 2025 - 2026

Căn cứ QĐ số 08 /QĐ-MN20/7 ngày 29/8 2025 của trường MN 20/7 xã Tuần Giáo Ban hành Chương trình giáo dục nhà trường của trường Mầm non 20/7 năm học 202 5-2026; Trường MN 20/7 xã Tuần Giáo xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nhà trường như sau:

I. Đặc điểm của trường

1. Về trẻ

- Tổng số lớp: 06 lớp; số trẻ: 145 cháu, trong đó:
 - + Trẻ dân tộc: 68; Trẻ nữ: 70; trẻ nữ dân tộc: 31
 - + Trẻ khuyết tật : 02
 - + Trẻ nhiễm HIV: 0
 - + Trẻ con hộ nghèo: 05 trẻ, con cận nghèo: 0

Cụ thể chia theo độ tuổi:

- Nhà trẻ: 36 trẻ, trong đó: dân tộc 19, nam 20, nữ 16, nữ dân tộc 09;
- Mẫu giáo: 109 trẻ, trong đó: dân tộc 58, nam 73, nữ 58, nữ dân tộc 26;
- + Trẻ 3 tuổi: 29 trẻ, trong đó: dân tộc 14, nam 14, nữ 15, nữ dân tộc 10;
- + Trẻ 4 tuổi: 28 trẻ, trong đó: dân tộc 15, nam 17, nữ 11, nữ dân tộc 06;
- + Trẻ 5 tuổi: 52 trẻ, trong đó: dân tộc 20, nam 27, nữ 25, nữ dân tộc 06;

2.2. Về đội ngũ

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường: 17 đ/c, trong đó: dân tộc 03; nam 01, nữ 16, nữ dân tộc 02; trình độ: Thạc sĩ: 01; đại học 12, cao đẳng 0, trung cấp 02; chưa qua đào tạo: 02; trường có chi bộ độc lập với tổng số 11 đảng viên, cụ thể:

+ Cán bộ quản lý: 02; trình độ chuyên môn: ĐH: 02; Dân tộc: 0, Nữ : 02, Nữ dân tộc 0. Trình độ đào tạo: Đại học: 02, Đảng viên: 02

+ Giáo viên của trường: 11; Trong đó: Dân tộc: 02; Nữ: 11, Nữ dân tộc: 02. Trình độ: Thạc sĩ : 01, ĐH: 09, Trung cấp: 01. Đảng viên 08

+ Nhân viên: 4, trong đó: Dân tộc: 01, Nam: 01, Nữ: 03 Trình độ: Đại học: 01, Trung cấp: 01; chưa qua đào tạo: 2;

2.3. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

- Phòng học: Có 6 phòng học trong đó: Kiên cố: 6, Bán kiên cố: 0
- Trung tâm và điểm trường Bản Lập có sân chơi đồ bê tông láng xi măng.
- Trung tâm và điểm trường có đủ công trình vệ sinh và nguồn nước sạch để sử dụng
- 6/6 Có đủ đồ dùng, thiết bị dạy học theo quy định

II. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên, của UBND Xã Tuần Giáo và các phòng, ban ngành trong xã.

- Ban giám hiệu nhà trường có trình độ chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm cao trong công việc, có kế hoạch chỉ đạo mọi hoạt động của nhà trường thống nhất xuyên suốt năm học.

- Có đội ngũ giáo viên có trình độ và năng lực công tác, yêu nghề mến trẻ, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có ý thức học tập vươn lên trong công tác.

- Địa điểm trường gần khu tập trung dân cư nên việc rất thuận tiện cho việc đưa con em ra lớp

- Phần lớn trẻ đã biết sử dụng tiếng phổ thông để giao tiếp với cô giáo và các bạn.

2. Khó khăn

- Trường còn 01lớp đóng trên địa bàn của bản, hiểu biết của các bậc phụ huynh còn hạn chế nên ảnh hưởng không ít tới chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

- Diện tích khuôn viên còn trệt chưa đảm bảo diện tích cho trẻ hoạt động..Thiếu các phòng chức năng và các phòng làm việc của BGH.

- Biên chế trẻ / lớp đông theo TT06 nên cũng ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

B. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM HỌC 2024 - 2025

Tổng số 06 nhóm, lớp (02nhóm trẻ, 04 lớp mẫu giáo, riêng mẫu giáo 5 tuổi: 02), 165 trẻ (39 nhà trẻ, 131 mẫu giáo, riêng mẫu giáo 5 tuổi: 50)

Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi ra lớp hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch Phòng Giáo dục huyện giao.

Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng:

Nhà trường thực hiện tốt công tác bán trú, tổ chức cho 100% trẻ ăn ngủ tại trường. 100% số trẻ được đảm bảo an toàn thân thể - tinh thần.

Phối kết hợp với trạm y tế thị trấn khám bệnh và phát thuốc cho trẻ, thực hiện công tác cho trẻ uống vitamin A, thuốc tẩy giun đúng lịch.

100% trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối, được theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng, không có trường hợp trẻ bị tai nạn, ngộ độc thực phẩm ở trường lớp.

Kết quả

- CN Bình thường: 157/165 đạt tỷ lệ 95.2%;
- SDD thể NC: 7/165 đạt tỷ lệ 4.2%
- Thừa cân: 1/164 tỷ lệ 0.6%
- CC bình thường: 154/165 đạt tỷ lệ 93.3%;
- SDD thể TC 11/164 = 6.7%

- Cân nặng theo chiều dài/chiều cao bình thường: 102/102 đạt 100%
- Cân nặng theo chiều dài/chiều cao béo phì: 0/102 đạt 0%
- BMI bình thường: $61/63 = 96.8\%$
- BMI thừa cân: $1/63 = 1,6\%$
- BMI thừa cân: $1/63 = 1,6\%$
- Bé sạch: 165/165 trẻ đạt tỷ lệ 100%,
- Sâu răng: 83/165 cháu chiếm tỷ lệ 50,3%
- Khuyết tật: 02 cháu = 1,2%
- Viêm mũi: 14/165 = 8.5%,
- Nhà trường đã triển khai và thực hiện đầy đủ thông tư liên tịch số

13/2016/TTLT – BYTBGDĐT ngày 12/5/2016 quy định về công tác y tế trường học.

Chất lượng giáo dục

Nhà trường triển khai và thực hiện tốt các nội dung, chương trình giáo dục mầm non sửa đổi.

Duy trì tốt các buổi sinh hoạt chuyên môn hàng tháng, giải quyết kịp thời những vướng mắc trong quá trình thực hiện của giáo viên ở các nhóm lớp.

Thường xuyên nghiên cứu nội dung chương trình, đầu tư kinh phí mua sắm tài liệu tham khảo, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho công tác dạy và học.

100% nhóm, lớp thực hiện chương trình GD mầm non đã sửa đổi, bổ sung

Giáo viên nắm bắt, thực hiện tốt nội dung chương trình. Trẻ đạt được các yêu cầu phát triển theo từng lĩnh vực ở các độ tuổi.

- Bé chăm: 155/165 cháu đạt 93,9%

- Bé ngoan: 155/165 cháu đạt 93,9%

- Bé sạch: 165/165 cháu đạt 100%

- Bé an toàn: 165/165 cháu đạt 100%

Tổng số trẻ được đánh giá theo mục tiêu phát triển của các độ tuổi. 161/165 trẻ đạt 100 % (02 trẻ KT không đánh giá)

Số trẻ đạt mục tiêu phát triển của các độ tuổi: 161/163 đạt 98.8%

100% các khối lớp thực hiện nội dung, chương trình đổi mới theo hình thức tổ chức chăm sóc giáo dục trẻ nhằm phát triển trí tuệ, đạo đức thẩm mỹ, giáo dục lao động, phát triển các quá trình tâm lý...chú trọng cho trẻ làm quen với các chữ cái và hình thành những biểu tượng toán sơ đẳng ở lớp mẫu giáo 5 tuổi.

*** Kết quả các Hội thi**

Cấp trường có 87/165 trẻ tham gia thi Bé khỏe bé ngoan cấp trường đạt 04 giải xuất sắc; 21 giải Nhất, 20 giải Nhì, 25 giải Ba, 13 giải KK.

Cấp huyện : Có 9 trẻ tham gia thi BKBN cấp huyện 9/9 trẻ đạt danh hiệu BKBN cụ thể đạt 04 giải xuất sắc, 03 giải nhất, 01 giải nhì

***Chất lượng đội ngũ giáo viên nhà trường:**

Chất lượng giáo viên: Giáo viên dạy giỏi các cấp là : 9/11 GV đạt 81,8%. Trong đó: GVDG Cấp Tỉnh: 3/11 đạt 27,3 %; (Trong đó: 01 giáo viên được Giám đốc SGD tặng giấy khen), Cấp Trường: 9/11 đạt 81,8%

C. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ NĂM HỌC 2025- 2026

I. NHIỆM VỤ CHUNG:

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với GDMN; quản trị trường học; có giải pháp phù hợp, kịp thời để hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã thực hiện hiệu quả quản lý nhà nước về GDMN trong bối cảnh sáp nhập địa giới hành chính và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

2. Thực hiện nghiêm công tác bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ em. Tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN; chuẩn bị các điều kiện để triển khai thí điểm Chương trình GDMN mới từ năm học 2026-2027 và triển khai Chương trình GDMN mới theo kế hoạch của Bộ. Tổ chức cho trẻ em mẫu giáo làm quen với tiếng Anh theo quy định và sự tự nguyện của gia đình trẻ.

3. Tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành, triển khai kịp thời các cơ chế, chính sách phát triển GDMN; đưa mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về phát triển GDMN, thực hiện Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3-5 tuổi vào các văn kiện, Nghị quyết của Đại hội Đảng, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 của địa phương để triển khai kịp thời các cơ chế, chính sách phát triển GDMN. Tham mưu đầu tư nguồn lực và thực hiện giải pháp xã hội hoá giáo dục để bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn, lộ trình thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3-5 tuổi tại địa phương.

4. Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng GDMN, phát triển mạng lưới trường lớp, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; thực hiện các giải pháp huy động trẻ đến trường, lớp mầm non. Nâng cao chất lượng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên mầm non (GVMN) đáp ứng yêu cầu đổi mới; xây dựng, thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; bố trí đủ số lượng GVMN theo định mức để thực hiện Chương trình GDMN.

5. Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi (PCGDMNTNT). Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục cho mọi trẻ em mầm non, quan tâm đến trẻ em là người dân tộc thiểu số (DTTS), trẻ em sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thực hiện hiệu quả công tác giáo dục dân tộc và giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật.

6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số; công tác tuyên truyền về GDMN và tăng cường hợp tác quốc tế.

7. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền, đúng quy định.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch năm học linh hoạt, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ em; tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu của chương trình GDMN. Hoàn thành tốt các chỉ tiêu của năm học 2025 - 2026. Tăng cường lồng ghép, tích hợp đảm bảo chất lượng, hiệu quả các nội dung giáo dục Phòng cháy chữa cháy; Quyền trẻ em, giáo dục giới, an toàn giao thông, kỹ năng sống xanh, BVMT, ứng phó biến đổi khí hậu...vào quá trình thực hiện chương trình GDMN. Tổ chức chất lượng hiệu quả giáo dục Quyền con người trong triển khai Chương trình cho trẻ mẫu giáo.

2. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; Ứng dụng công nghệ AI; chuyển đổi số trong quản lý, dạy học và nuôi dưỡng trẻ. Xây dựng và triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT theo đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”.

3. Xây dựng trường mầm non xanh, chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế. Quan tâm bồi dưỡng đội ngũ CB-GV-NV đảm bảo đủ về số lượng, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu theo chuẩn nghề nghiệp, Luật giáo dục 2019 và đổi mới giáo dục, phát huy vai trò giáo viên cốt cán.

4. Triển khai thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025” đẩy mạnh công tác truyền thông về chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ trong nhà trường. Thực hiện việc chỉ đạo về thực hiện tổ chức “*Tuần lễ dinh dưỡng cho trẻ*” “*giáo dục dinh dưỡng kết hợp vận động nhằm phát triển thể chất cân đối cho trẻ em*”

5. Nâng cao hiệu lực hiệu quả trong quản lý nhà nước về GDMN; tăng cường xây dựng nề nếp, kỷ cương, chuẩn mực nhà giáo, văn hóa giao tiếp của CBGVNV trong nhà trường để xây dựng tập thể đoàn kết, vững mạnh, an toàn. Mỗi CB-GVNV nhà trường quyết tâm thi đua hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu của năm học, phấn đấu đạt danh hiệu “Tập thể Lao động Xuất sắc” Đề nghị UBND tỉnh Điện Biên khen, góp phần vào thành tích chung của ngành giáo dục tỉnh Điện Biên. Thực hiện tốt Chủ đề năm học 2025-2026 “**Kỷ cương - Sáng tạo - Đột phá - Phát triển**”

6. Xây dựng và thực hiện mô hình: “*Bữa ăn đủ dinh dưỡng trong trường mầm non*”... trên cơ sở huy động sự hỗ trợ, phối hợp của cha mẹ và cộng đồng.

III. CHỈ TIÊU VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, giáo dục

1.1. Chủ động tham mưu, ban hành, triển khai kịp thời các văn bản, chính sách phát triển GDMN, bảo đảm các điều kiện thực hiện Chương trình GDMN

- Nhà trường triển khai thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ từ 3-5 tuổi theo Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội. Chỉ đạo, hướng dẫn triển khai kịp thời các văn bản, chính sách về GDMN đến với CBGVNV trong nhà trường.

- Nhà trường tham mưu với các cấp các ngành đồng thời huy động nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển cho công tác chăm sóc giáo dục. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa trong, thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách về xã hội hóa giáo dục

- Tăng cường phối hợp giữa cơ quan, đơn vị, tổ chức ở địa phương để làm tốt công tác tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản liên quan đến công tác phát triển GDMN bảo đảm nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời, chất lượng, hiệu quả; tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển GDMN.

- Duy trì và nâng cao chất lượng PCGDMNTNT, bảo đảm các điều kiện thực hiện phổ cập GDMN trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi và thực hiện thí điểm Chương trình GDMN mới.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định về chính sách đối với trẻ em học sinh và chính sách đối với giáo viên. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã về hoạt động quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Đồng thời tăng cường hướng dẫn tổ chức thực hiện, kiểm tra, rà soát, nắm thông tin về việc quản lý và triển khai thực hiện các dịch vụ hỗ trợ các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong nhà trường bảo đảm đúng quy định, hiệu quả phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Tổ chức tập huấn, phổ biến quán triệt đến 100% đội ngũ CBQL, GV, NV các văn bản quy phạm pháp luật về GDMN, văn bản quản lý chỉ đạo của ngành, cập nhật các văn bản mới ban hành hoặc thay thế, lưu giữ đầy đủ, khoa học tại văn phòng trường. Những

văn bản quy phạm pháp luật về GDMN còn được nhà trường cập nhật trên gmail chung và zalo của trường để CBGVNV tìm hiểu.

- Nâng cao hiệu quả phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học”; “Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”. Áp dụng một phần steam thì đưa vào chủ đề, kế hoạch năm chỉ cần đưa phương pháp phù hợp với đặc điểm tình hình thực tế của trường lớp. Dạy học stem cho trẻ ngồi trên bàn trẻ tập trung hơn kết quả chính xác hơn rèn tính kỷ luật.

- Tiếp tục tuyên truyền vận động cán bộ thực hiện nghiêm túc 2 bộ quy tắc ứng xử và đạo đức nhà giáo. Cuộc vận động “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”

- Thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế công khai... các quy định về thu chi tài chính trong trường.

2. Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ CBQLGV và NV nuôi dưỡng

2.1 Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, huy động sự vào cuộc tích cực của các đoàn thể chính trị trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học.

- Thực hiện công khai chất lượng giáo dục và thu chi tài chính theo quy định. Điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế làm việc, Quy chế dân chủ, Quy chế công khai...

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý, tăng cường sử dụng các phần mềm quản lý học sinh, quản lý cán bộ, nhân viên. Thúc đẩy chuyển đổi số trong việc quản lý hồ sơ. Thực hiện chi trả học phí và thực hiện các khoản thu theo phương thức không dùng tiền mặt.

- Phối hợp chặt chẽ giữa Nhà trường - Chính quyền xã, thôn bản, hội CMHS trong việc đảm bảo an ninh, an toàn trường học, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, phòng cháy chữa cháy; giải quyết tình trạng ùn tắc giao thông, hàng quán bán rong trước cổng trường.

- VC, NLĐ thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh đảm bảo an toàn trường học; quán triệt; tuyên truyền, tập huấn để 100% VC, NLĐ nắm vững quy định về công tác phòng chống dịch và biết xử trí các trường hợp có biểu hiện ho, sốt, khó thở hoặc nghi ngờ mắc các bệnh trong trường học và các bệnh truyền nhiễm khác.

- Thành lập ban chỉ đạo, tổ công tác phòng chống dịch, xây dựng kế hoạch phòng chống dịch, phương án khi trẻ đi học và khi trẻ nghỉ ở nhà. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong ban chỉ đạo, tổ công tác.

- Chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất khi có dịch bệnh xảy ra.

2.2 Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, GV và nhân viên:

- Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng.

- Quan tâm bồi dưỡng đội ngũ, giáo viên, nhân viên về chuyên môn, nghiệp vụ, nội dung thống nhất trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2025-2026 của Sở GDĐT và của UBND xã.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ, chống tiêu cực trong quản lý đặc biệt là trau dồi phẩm chất đạo đức, thực hiện tốt công tác tuyên truyền để nhân viên, cán bộ thực hiện đúng các quy định của ngành, nâng cao ý thức trong việc giữ gìn đạo đức nhà giáo, thực hiện đúng quy định về quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục, kỉ cương hành chính, phòng chống bạo hành trẻ.

- Tổ chức lớp học bồi dưỡng năng lực ứng xử văn hóa cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, Xây dựng trường học hạnh phúc- học sinh hạnh phúc với 03 tiêu chí:

Môi trường nhà trường, phát triển cá nhân, Hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, Mối quan hệ trong và ngoài nhà trường.

- Triển khai công tác bồi dưỡng giáo viên viên theo Chương trình bồi dưỡng thường xuyên trong năm học.

- Tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường mục tiêu phấn đấu

Chất lượng giáo viên: Giáo viên dạy giỏi các cấp là: 8/11 GV đạt 72,7%. 100% giáo viên được xếp lại chuẩn nghề nghiệp GV từ đạt trở lên.

3. Nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ

3.1 Đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất tinh thần cho trẻ.

a) Chỉ tiêu

- 148/148 trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần

b) Nhiệm vụ, giải pháp

b. Biện pháp:

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả thông tư số: 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của

Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong các cơ sở giáo dục mầm non;

- + BGH thường xuyên kiểm tra, rà soát các phương tiện và đồ dùng, đồ chơi tránh các nguy cơ gây tai nạn thương tích cho trẻ. Tổ chức cho cán bộ quản lý, nhân viên Y tế của trường tham dự tập huấn phòng tránh tai nạn thương tích trong trường học, vệ sinh phòng dịch, bệnh theo mùa.

- Tăng cường tuyên truyền các biện pháp đảm bảo an toàn, sức khỏe cho trẻ khi ở nhà, khi học ở trường. Nghiêm cấm mọi hành vi vi phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể trẻ em. Chú trọng xây dựng môi trường giáo dục xanh, sạch đẹp, an toàn và thân thiện.

- Thực hiện vệ sinh trường lớp sạch sẽ. Phân công nhân viên – giáo viên giữ vệ sinh thường nhật, đảm bảo vệ sinh sạch sẽ trong và ngoài lớp học mọi lúc mọi nơi.

- BGH kiểm tra chặt chẽ quy chế nuôi dạy trẻ công tác quản lý trẻ tất cả các thời điểm theo chế độ sinh hoạt 1 ngày; Duy trì nhật ký đón trả trẻ, có lịch phân công giáo viên quản lý trẻ mọi lúc, mọi nơi, đặc biệt là quản lý trẻ trong các hoạt động đón, trả trẻ, chăm sóc bán trú, hoạt động ngoài lớp học và trẻ mới đi học.

- Hàng tháng/quý có lịch rà soát, bổ sung đầy đủ trang thiết bị cần thiết theo quy định của Luật phòng cháy chữa cháy. Xây dựng phương án PCCC và tổ chức tập huấn kỹ năng phòng tránh TNTT cho CBQL, GV, NV hàng năm. Đưa nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ trong các tình huống cho trẻ vào chương trình giáo dục của nhà trường.

- Phối hợp với công an xã làm tốt công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông quanh khu vực trường học.

3.2. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc quản lý nuôi dưỡng

a. Chỉ tiêu phấn đấu:

- Đảm bảo thực hiện đúng quy định về hồ sơ, quy trình, nguyên tắc quản lý nuôi dưỡng theo kiểm thực 3 bước.

- Quản lý tốt công tác thu chi hàng ngày

- Đảm bảo nguyên tắc công khai minh bạch

- Giao nhận thực phẩm đảm bảo đúng nguyên tắc, công khai. Quản lý chặt chẽ thực phẩm của trẻ từ khâu giao nhận đến khi chế biến thành các món ăn và đưa khẩu phần của trẻ về các lớp.

- Đảm bảo khẩu phần ăn, xuất ăn của trẻ trong ngày, tổ chức “Tuần lễ dinh dưỡng cho trẻ”

b. Biện pháp thực hiện

- Giao nhận thực phẩm hàng ngày đảm bảo đúng nguyên tắc, công khai, vào sổ số lượng chính xác, có đầy đủ các thành viên tham gia ký nhận.

- Công khai tài chính hàng ngày qua bảng tin nhà trường.
- Sử dụng tiền ăn của trẻ đúng mục đích.
- Theo dõi chia ăn của trẻ đủ lượng theo số xuất ăn
- Thường xuyên thay đổi thực đơn cho trẻ theo từng đợt trên mỗi học kỳ trong năm học, lựa chọn các loại thực phẩm cung cấp nhiều năng lượng nhằm đảm bảo sức khỏe và phù hợp với sự hấp thu của trẻ.

- Hoàn thiện chứng từ tiền ăn của trẻ hàng ngày, thanh quyết toán tiền ăn của trẻ theo tuần. Cuối tháng phải quyết toán tiền ăn trong tháng.

- Lưu mẫu thức ăn thực hiện đúng quy trình lưu, thời gian, được bảo quản trong tủ lạnh theo quy định. Nghiêm túc thực hiện sổ kiểm thực 3 bước theo quyết định số 1246/QĐ-BYT ngày 31/ 03/ 2017.

- Các lớp báo ăn về tới nhà bếp thời gian trước 8h00 để cân đối tiền ăn, tuyệt đối không để tiền ăn của trẻ thiếu, thừa quá 03 xuất ăn trong ngày .

- Tăng cường các điều kiện bảo đảm tổ chức bữa ăn cho trẻ; công tác kiểm tra và sự tham gia giám sát của Ban đại diện cha mẹ trẻ em về bảo đảm chất lượng bữa ăn và an toàn thực phẩm.

- Thường xuyên kiểm tra vệ sinh môi trường lớp học, nhà bếp. Bổ sung CSVC, cây xanh để tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp .

3.3. Chất lượng chăm sóc sức khỏe và nuôi dưỡng trẻ

a) Chỉ tiêu

-100% trẻ đến trường được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/ năm và theo dõi sự phát triển bằng biểu đồ tăng trưởng 3 lần/năm học.

Trẻ phát triển cân nặng, chiều cao theo lứa tuổi

* Trẻ 24 tháng

- Cân nặng BT: Trẻ trai 9,7- 15,3 kg. trẻ gái 9,1- 14,8 kg

- Chiều cao BT: Trẻ trai 81,7- 93,9 cm. trẻ gái 89,0 - 92,9 cm

* Trẻ 36 tháng

- Cân nặng BT Trẻ trai: 11,3- 18,3 kg; trẻ gái: 10,8- 18,1 kg

- Chiều cao BT trẻ trai: 88,7- 103,5cm; trẻ gái: 87,4- 102,7 cm

* Trẻ 48 tháng

- Cân nặng của trẻ Trai: 12,7- 21,2kg; trẻ gái: 12,3-21,5kg

- Chiều cao trẻ trai: 94,9- 111,7cm; trẻ gái: 94,1 - 111,3cm

* Trẻ 60 tháng

- Cân nặng của trẻ Trai: 14,1- 24,2kg; trẻ gái: 13,7-24,9kg

- Chiều cao trẻ trai: 100,7- 119,2cm; trẻ gái: 99,9- 111,3cm

* Trẻ 72 tháng

- Cân nặng của trẻ Trai: 15,9- 27,1kg; trẻ gái: 15,3-27,8kg

- Chiều cao trẻ trai: 106,1- 125,8cm; trẻ gái: 104,9- 125,4cm

- Phần đầu có ít nhất 97% trẻ phát triển bình thường về chiều cao, cân nặng và phát triển cân đối về chiều dài/chiều cao theo độ tuổi và phần đầu giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân. Năm học 2025-2026, phần đầu giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân còn dưới 4,7%, tỷ lệ trẻ thấp còi còn dưới 5,6% và giảm tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì trong nhà trường theo quy định. Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng từ 1% -> 1,5% so với năm học trước.

Cụ thể:

* Học sinh Nhà trẻ: 39 trẻ

+ Cân nặng BT: 37/39 đạt 94,8%; SDD thể nhẹ cân: 2/39 còn 5,2%

+ Chiều cao BT: BT: 37/39 đạt 94,8%; SDD thể nhẹ cân: 2/39 còn 5,2%

+ *Cân nặng theo chiều dài/chiều cao*

Bình thường: 39/39 đạt 100%, SDD thể gầy còm nhẹ cân: 0. Thừa cân: 0

* Học sinh mẫu giáo:

Tổng số học sinh: 109 cháu

+ Cân nặng: BT: 105/109 đạt 96,3%; SDD thể nhẹ cân: 4/109 còn 4,7 %

+ Chiều cao: BT: 105/109 đạt 96,3%; SDD thể nhẹ cân: 4/109 còn 4,7 %

+ *Cân nặng theo chiều dài/chiều cao*

- KBT: 41/42 đạt 97,6%, SDD thể nhẹ cân: 1/42 chiếm 2,4% Thừa cân: 0

- Thừa cân, béo phì: 0

+ BMI: Bình thường : 65/67 đạt 97,1%, SDD thể nhẹ cân: 0, Thừa cân: 1/67 còn 1.45%, Béo phì 1/67 còn 1.45%

b)Nhiệm vụ, giải pháp

- Quản lý tốt việc tổ chức bữa ăn trưa cho trẻ tại trường, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và nâng cao chất lượng bữa ăn.

- Xây dựng chế độ ăn cân đối, đa dạng đảm bảo dinh dưỡng khoa học đủ số và lượng phù hợp với thực tế địa phương đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của trẻ theo quy định chương trình GDMN.

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động nuôi dưỡng tại nhà bếp về chế độ ăn, cách sơ chế, chia ăn, đồ dùng, đồ chơi ở các lớp, vệ sinh môi trường ...

- GV Tổ chức cho trẻ ăn theo đúng thực đơn theo mùa, đảm bảo chế độ khẩu phần ăn của trẻ, động viên trẻ ăn hết xuất, thường xuyên thay đổi món ăn, quản lý tốt bữa ăn cho trẻ..

- Mua bán thực phẩm xác định rõ nguồn gốc và có Hợp đồng mua thực phẩm có cam kết đảm bảo an toàn tuyệt đối. Cho trẻ ăn đúng thực đơn. Đảm bảo khẩu phần ăn.

- Công khai kết quả phát triển cân nặng, chiều cao, sức khỏe của trẻ, công khai chế độ ăn, thực đơn hàng ngày trên bảng thông báo. Quản lý hồ sơ theo dõi sức khỏe của trẻ đảm bảo tính khoa học.

- Tổ chức cho nhân viên làm công tác nuôi dưỡng đi khám sức khỏe định kỳ và Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo viên, cô nuôi.

- Kiểm tra chế độ ăn thường xuyên và cách sơ chế thực phẩm đúng nguyên tắc, lưu mẫu thực phẩm bằng tủ lạnh đảm bảo 24/24h.

- Tuyên truyền tới các phụ huynh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, trẻ được nuôi ăn sử dụng đúng mục đích có hiệu quả tiền hỗ trợ bữa ăn trưa cho trẻ. Phổ biến cho các bậc phụ huynh về cách nuôi con theo khoa học và biết cách tổ chức tốt bữa ăn ở nhà đảm bảo dinh dưỡng cho trẻ. phối kết hợp với phụ huynh học sinh phòng bệnh cho trẻ trong thời điểm giao mùa thông qua giờ đón và trả trẻ.

- Lồng ghép nội dung giáo dục vệ sinh cá nhân, lao động tự phục vụ và vệ sinh nơi công cộng, phòng chống dịch bệnh phù hợp với độ tuổi vào chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ như: Thói quen rửa tay trước và sau khi ăn, khi đi vệ sinh, trong khi ăn không nói chuyện, khi ăn không làm vãi cơm, vệ sinh trường lớp đồ dùng, đồ chơi ở các lớp, vệ sinh môi trường ...

- Phối kết hợp với trạm y tế xã thực hiện Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần/năm. Tiêm chủng và phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm, báo cáo kịp thời với cơ quan cấp trên khi có dịch bệnh xảy ra.

- Phối kết hợp chặt chẽ trong việc chăm sóc sức khỏe cho trẻ với các bậc phụ huynh đặc biệt là đối với những trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi và nhẹ cân.

-100% trẻ được cân đo và khám sức khỏe, đảm bảo số lượng và chất lượng thuốc trong tủ thuốc y tế của trường. Công tác y tế học đường mở đủ sổ sách và duy trì đều tay.

- Chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt công tác chăm sóc giấc ngủ cho trẻ: Phân công giáo viên trực trưa có sổ theo dõi ca trực. Đảm bảo cho trẻ ngủ đủ giờ, đúng giấc, an toàn hợp vệ sinh.

- Các lớp duy trì hồ sơ phòng chống dịch, sổ nhật ký đón trả trẻ ghi rõ tình hình học sinh trong ngày, ghi rõ tình hình của lớp, không nhận trẻ ốm....

- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục sức khỏe, phòng chống dịch bệnh bằng các nội dung, hình thức phong phú qua trang thông tin điện tử, góc tuyên truyền, trao đổi phụ huynh hàng tháng....

- Giáo viên trên lớp thực hiện nghiêm túc chế độ chăm sóc sức khỏe và vệ sinh cho trẻ theo chế độ sinh hoạt một ngày của trẻ. Duy trì thực hiện lịch vệ sinh hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng theo lịch.

***Công tác nuôi dưỡng:**

- Ban giám hiệu ký cam kết hợp đồng với các chủ hàng có tư cách pháp nhân, đã được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt. Chỉ đạo bếp ăn thực hiện đúng quy trình bếp ăn 1 chiều, lưu mẫu thức ăn hàng ngày đúng theo quy định. Xây dựng thực đơn phong phú, đưa nhiều loại thực phẩm vào bữa ăn hàng ngày cho trẻ. Cần kết hợp nhiều loại thực phẩm từ các nguồn đảm bảo chất dinh dưỡng. Tăng cường rau xanh cho trẻ trong các bữa ăn. Yêu cầu tối thiểu: Bữa chính nên đáp ứng các tiêu chuẩn bao gồm các món: cơm, món xào, món mặn, canh và bữa phụ đảm bảo đủ lượng và chất. Xây dựng thực đơn phù hợp, cân đối.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư trang thiết bị đồ dùng chăm sóc nuôi dưỡng.

- Phân công rõ nhiệm vụ cho các thành viên trong tổ bếp, văn phòng, y tế có liên quan đến việc chăm sóc trẻ.

- Thực hiện đúng chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ, thường xuyên vệ sinh môi trường hoạt động cho trẻ thoáng mát, sạch sẽ, an toàn ở mọi lúc mọi nơi.

- Chỉ đạo tổ bếp luôn cải tiến chế biến các món ăn giúp trẻ ăn ngon miệng, hết suất, đảm bảo đủ lượng, đủ chất.

- Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng từ 1% -> 1,5% so với năm học trước. Năm học 2025-2026, phấn đấu giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân còn dưới 4,7%, tỷ lệ trẻ thấp còi còn dưới 5% và giảm tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì trong nhà trường theo quy định.

- Tham gia và tổ chức tập huấn tới 100% cô nuôi nội dung thông nhất chuyên môn nuôi dưỡng năm học 2025 -2026 do các cấp tổ chức về kiến thức VSATTP; Làm tốt công tác xây dựng thực đơn đảm bảo đủ dinh dưỡng cho trẻ.

- Đẩy mạnh công nghệ thông tin, truyền thông về hoạt động giáo dục dinh dưỡng, kỹ năng thực hành cuộc sống lên cổng thông tin điện tử của nhà trường, nhóm lớp.

3.4. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

a) Chỉ tiêu

- Thực hiện tốt 10 nguyên tắc vàng về VSATTP

- Thường xuyên kiểm tra việc giao nhận thực phẩm, chất lượng thực phẩm, khâu chế biến, vệ sinh dụng cụ nấu, chia ăn đảm bảo vệ sinh và phòng chống ngộ độc cho trẻ.

- Thực hiện đúng chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ, thường xuyên vệ sinh môi trường hoạt động cho trẻ thoáng mát, sạch sẽ, an toàn ở mọi lúc mọi nơi. Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ không để xảy ra ngộ độc thực phẩm và tai nạn thương tích trong nhà trường.

- Thực hiện tốt việc phòng chống dịch bệnh theo mùa và các bệnh thường xảy ra,

đảm bảo vệ sinh cho trẻ.

- Chỉ đạo tổ bếp luôn cải tiến chế biến các món ăn giúp trẻ ăn ngon miệng, hết suất, đảm bảo đủ lượng, đủ chất.

- 100% GV – NV nuôi dưỡng được tham gia bồi dưỡng kiến thức về VSATTP hàng năm.

b) Nhiệm vụ, giải pháp

- Thực hiện nghiêm túc các công văn chỉ đạo, hướng dẫn: Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12(Từ điều 25 đến điều 30); Quyết định 1246/BYT năm 2017 hướng dẫn thực hiện chế độ kiểm thực 3 bước và lưu mẫu thức ăn đối với cơ sở kinh doanh, dịch vụ ăn uống;

Tăng cường công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trong nhà trường theo Công văn số 988/BGDĐT-GDTC ngày 13/3/2023 của Bộ GDĐT về tăng cường biện pháp đảm bảo an toàn thực phẩm trong các cơ sở giáo dục; Công văn số 433/SGDĐT-GDTrH ngày 28/02/2023 của Sở GDĐT về tăng cường công tác bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm trong các cơ sở giáo dục; Công văn số 518/SGDĐT-KHTC ngày 09/3/2023 của Sở GDĐT về tăng cường công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trong trường học; Kiên quyết không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong trường học; tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình, chính quyền địa phương trong việc giáo dục, hướng dẫn trẻ em; học sinh thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm; kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc thực phẩm và các khâu chế biến, bảo quản, vận chuyển thực phẩm trong nhà trường.

- Đảm bảo thực hiện nghiêm túc việc ký kết hợp đồng với đơn vị cung ứng thực phẩm an toàn. Từ đầu năm học, nhà trường đã ký hợp đồng với Bà: Nguyễn Thị Thủy Khôi Tân xã Tuần Giáo, Nguyễn Thành Long Khôi 20/7 Xã Tuần Giáo, Nguyễn Duy Mạnh là 03 nhà cung ứng thực phẩm, chất đốt có đầy đủ hồ sơ theo quy định để đảm bảo nguồn gốc thực phẩm sạch. Thực hiện nghiêm về giao nhận thực phẩm.

- Hội đồng QLGD, Ban Thanh Tra nhân dân tăng cường công tác kiểm tra và sự tham gia giám sát của Ban đại diện cha mẹ trẻ em về bảo đảm chất lượng bữa ăn và an toàn thực phẩm. Nguồn gốc, giá cả thực phẩm của các nhà cung ứng nhằm đảm bảo chất lượng VSATTP theo lịch và đột xuất.

- Duy trì bếp ăn bán trú đủ điều kiện theo Điều lệ trường MN đã được ký cam kết bếp ăn đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Bổ sung trang thiết bị phục vụ công tác nuôi dưỡng trẻ, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, đảm bảo an toàn, vệ sinh, đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng.

3.5. Đảm bảo chất lượng bữa ăn:

a) Chỉ tiêu:

- 100% trẻ sử dụng cốc, bát thìa bằng Inox.
- 100% các lớp có đủ quạt cho trẻ
- 100% lớp có bình đựng nước, giá khăn, tủ úp cốc của trẻ.
- Giao nhận và chế biến thực phẩm đảm bảo đúng nguyên tắc
- Bếp có đủ đồ dùng dụng cụ phục vụ chế biến sống, chín riêng biệt.

b) Nhiệm vụ, giải pháp

- Xây dựng thực đơn, khẩu phần ăn cho trẻ ở các độ tuổi đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Chương trình GDMN.

- Nâng cao chất lượng bữa ăn đảm bảo tỷ lệ dinh dưỡng cho trẻ với mức ăn 20.000đ/ ngày/ trẻ cho 2 bữa chính, 1 bữa phụ đối với Nhà trẻ; Đối với Mẫu giáo 01 bữa chính và 1 bữa phụ.

Chú trọng chế biến, phối hợp món ăn hợp lý. bữa chính đáp ứng tiêu chuẩn sau: Có đủ 4 nhóm thực phẩm Đạm, Béo, Bột, Vitamin và khoáng chất hoặc có ít nhất 8 nhóm thực phẩm theo phân loại của tổ chức Y tế thế giới (nhóm 8 là nhóm bắt buộc gồm dầu ăn, mỡ các loại)

- Chỉ đạo giáo viên tạo bầu không khí vui vẻ trong giờ ăn, động viên trẻ ăn hết xuất. Chú ý trẻ SDD (thiếu cân) cho trẻ ngồi bàn trên. Giáo viên kết hợp với phụ huynh điều chỉnh thực đơn ăn với trẻ béo phì, vượt kênh so với độ tuổi khi ở nhà.

- Đảm bảo nước uống cho trẻ, vệ sinh và phù hợp với thời tiết. Sử dụng có nước nóng đảm bảo nhiệt độ nước an toàn cho trẻ. Xét nghiệm mẫu nước định kì theo quy định tại Thông tư số 34/2010/TT-BYT ngày 02/6/2010 của Bộ y tế.

3.6. Thực hiện nguyên tắc quản lý nuôi dưỡng:

a) Chỉ tiêu:

- Đảm bảo thực hiện đúng quy định về hồ sơ, quy trình, nguyên tắc quản lý nuôi dưỡng.

- Quản lý tốt công tác thu chi hàng ngày

- Đảm bảo nguyên tắc công khai minh bạch

- Giao nhận thực phẩm đảm bảo đúng nguyên tắc, công khai. Quản lý chặt chẽ thực phẩm của trẻ từ khâu giao nhận đến khi chế biến thành các món ăn và đưa khẩu phần của trẻ về các lớp.

- Đảm bảo khẩu phần ăn, xuất ăn của trẻ trong ngày.

- Thực đơn xây dựng theo từng đợt trong năm học tối thiểu 02 đợt/học kỳ. Thực đơn ăn hàng ngày của trẻ được công khai, phê duyệt của Hiệu trưởng. Thực đơn được xây dựng đảm bảo cân đối tỷ lệ các chất dinh dưỡng.

b) Nhiệm vụ, giải pháp

- Thực hiện đúng qui định về hồ sơ, qui trình, nguyên tắc quản lý nuôi dưỡng trong các cơ sở giáo dục mầm non. Nghiêm cấm vi phạm khâu phần ăn của trẻ dưới mọi hình thức, công khai các khoản thu, thanh toán, thực đơn, thực phẩm, đơn giá hàng ngày. Cập nhật đầy đủ chứng từ hàng ngày theo thực tế giao nhận thực phẩm. Thanh quyết toán tiền ăn của trẻ có thể theo tuần hoặc theo tháng. Cuối tháng quyết toán tiền ăn trong tháng.

- Quản lý kho: Thủ kho chịu trách nhiệm quản lý thực phẩm trong kho, có sổ theo dõi xuất, nhập kho, cuối tháng kiểm kê. Nhập lương thực, thực phẩm dự trữ trong kho phải phù hợp với thời gian bảo quản để đảm bảo chất lượng thực phẩm. Xuất thực phẩm kho phải có phiếu xuất kho có ký duyệt của BGH, kế toán.

- Chế biến thực phẩm và chia ăn: Chế biến đúng thực đơn, đủ định lượng xuất ăn hàng ngày của trẻ. Thực phẩm tươi sống giao nhận thừa so với định mức trong ngày trả lại nơi cung ứng, tuyệt đối không để lưu tại trường. Định lượng thức ăn chín của từng nhóm, lớp ghi rõ số lượng lên bảng và sổ chia thức ăn chín, có ký giao nhận với giáo viên từng lớp.

- Thực hiện lưu mẫu thức ăn của học sinh: quy trình lưu, thời gian lưu mẫu tối thiểu đủ 24h và chế độ bảo quản trong tủ lạnh theo đúng quy định.

3.7. Đẩy mạnh truyền thông trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng

a) Chỉ tiêu:

- 100% các lớp có góc tuyên truyền về dinh dưỡng và ATTP, cách phòng chống, xử lý một số bệnh thông thường.

- 100% các lớp tổ chức họp phụ huynh 3 lần trong năm học để tuyên truyền về công tác CSGD trẻ.

b)Nhiệm vụ, giải pháp

- Thành lập Ban truyền thông của nhà trường, xây dựng kế hoạch cụ thể hàng tháng, tạo chuyên mục truyền thông trong năm học với chủ đề năm học **“Kỷ cương - Sáng tạo - Đột phá - Phát triển”**.

Xây dựng biểu bảng tuyên truyền, công khai tài chính, nguồn gốc thực phẩm trong nhà trường để PH dễ quan sát và đóng góp ý kiến xây dựng cho nhà trường.

- Thực đơn xây dựng theo từng đợt trong năm học Thay đổi thường xuyên theo mùa (Thay đổi khi có dịch bệnh xảy ra trên địa bàn có ảnh hưởng đến nguồn cung cấp thực phẩm cho nhà trường). Thực đơn ăn hàng ngày của trẻ được công khai trên các kênh truyền thông của nhà trường và được phê duyệt.

- Chia sẻ phổ biến kiến thức nuôi dạy con theo khoa học, nâng cao nhận thức của cha mẹ trẻ, đội ngũ và cộng đồng về phát hiện sớm, can thiệp sớm cho trẻ, quan tâm hòa nhập trẻ khuyết tật thông qua họp PH, trao đổi hàng ngày giờ đón trả, trẻ, qua zalo...

- Thông qua các hoạt động lễ hội, hoạt động trải nghiệm: Lễ hội mùa xuân, Các hội thi... nhằm tuyên truyền và kết nối PH tham gia đồng hành với nhà trường trong việc chăm sóc nuôi dưỡng trẻ.

4. Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục

4.1. Chỉ tiêu

*** *Chất lượng các lĩnh vực giáo dục:***

Tổng số học sinh toàn trường: 148.

Trong đó:

****Học sinh nhà trẻ:*** 39 cháu

- 100% trẻ được đánh giá trẻ tròn tháng đảm bảo theo yêu cầu các chỉ số theo từng tháng tuổi (24, 36 tháng)

*** *Học sinh mẫu giáo:*** Tổng số: 109 cháu

- Số trẻ được đánh giá: 108 (01 trẻ KT)

- Phần đầu Trẻ đạt được các mục tiêu trong các chủ đề như sau:

+ Số mục tiêu từ 70 % trẻ đạt trở lên: 104 cháu

+ Số mục tiêu dưới 70 % trẻ đạt: 02 cháu

-100% trẻ được tham gia các hoạt động trải nghiệm do nhà trường tổ chức như trải nghiệm: “Ngày Nhà Giáo Việt Nam 20/11”“Chúng tôi là chiến sĩ” nhân ngày thành lập QĐND Việt Nam; “ Tết và mùa xuân” Thăm quan các di tích lịch sử, thăm quan trường Tiểu học...

-Tổ chức cho trẻ tham gia hội thi “Tài năng của bé” cấp trường

100 % trẻ có nề nếp, ngoan ngoãn, nhanh nhẹn, hứng thú tham gia vào các hoạt động hàng ngày của trẻ tại trường mầm non.

100 % trẻ có nề nếp vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, có kỹ năng giao tiếp ứng xử, lễ phép với mọi người

4.2. Nhiệm vụ, giải pháp

-Thực hiện nghiêm túc chương trình GDMN, xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục trẻ phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Thực hiện nghiêm túc chương trình chăm sóc giáo dục trẻ và chế độ sinh hoạt trong một ngày của trẻ trong trường mầm non.

- Giáo viên thực hiện nghiêm túc đổi mới hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, đa dạng các hình thức và PPCSGD trong tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ theo quan điểm giáo dục “Lấy trẻ làm trung tâm” phù hợp với điều kiện thực tế của trường, của lớp và khả năng của trẻ, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho trẻ và thực hiện một phần

phương pháp giáo dục STEM/STEAM.

Trú trọng đổi mới, tổ chức môi trường giáo dục, tạo cơ hội cho trẻ tích cực, khám phá trải nghiệm và sáng tạo qua các hoạt động học hàng ngày cụ thể hàng ngày qua các khu vực như chơi với cát nước, khu chợ quê, thư viện thân thiện, khu giáo dục phát triển vận động theo kế hoạch để trẻ được khám phá, trải nghiệm.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt Lồng ghép, tích hợp, phát triển các nội dung giáo dục chuyên đề Phát triển vận động; tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc; giáo dục tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Tăng cường lồng ghép, tích hợp đảm bảo chất lượng, hiệu quả các nội dung Giáo dục quyền con người, quyền trẻ em, giáo dục giới; giáo dục an toàn giao thông theo định hướng của chương trình “Tôi yêu Việt Nam”; giáo dục tình cảm kỹ năng xã hội; kỹ năng bảo vệ bản thân; bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu... Thực hiện hợp tác, áp dụng mô hình giáo dục tiên tiến, hiện đại phù hợp với điều kiện địa phương đặc biệt là ứng dụng STEAM trong thực hiện chương trình giáo dục trẻ ở trường.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác tăng cường tiếng Việt cho trẻ, tăng cường nghe, nói tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số, nâng chất lượng tăng cường chuẩn bị tốt tiếng Việt cho trẻ em mẫu giáo trước khi vào lớp một. Nâng cao chất lượng hoạt động quản lý, giáo dục trẻ tại phòng thư viện nhà trường.

Lựa chọn một số kỹ năng ban đầu về đọc viết cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số theo Chương trình giáo dục mầm non với sự hỗ trợ của Bộ công cụ ELM. Triển khai có hiệu quả cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh theo quy định tại Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT và các văn bản chỉ đạo của Sở GDĐT.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong công tác quản lý, quản trị, tổ chức hoạt động chuyên môn; phát triển kho học liệu số dùng chung nâng cao chất lượng thực hiện chương trình GDMN.

Xây dựng cộng đồng học tập trong cơ sở giáo dục mầm non đảm bảo an toàn và phòng chống bạo hành trẻ

- Soạn bài đầy đủ có chất lượng, thực hiện nghiêm túc hoạt động 1 ngày của trẻ ở trường. Sử dụng hiệu quả đồ dùng hiện có, tích cực làm đồ dùng, đồ chơi và trang trí nhóm lớp nổi bật chủ đề, chủ điểm.

- Không ngừng nâng cao phẩm chất đạo đức và năng lực của đội ngũ, nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ. Chú trọng giáo dục phát triển hành vi, thói quen tốt cho trẻ; giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tình cảm kỹ năng xã hội phù hợp với lứa tuổi.

- Tăng cường rèn kỹ năng sống và dạy Tăng cường tiếng việt cho trẻ thông qua việc trao đổi trò chuyện với trẻ, trong giờ học và trong các hoạt động vui chơi, hoạt động hàng ngày trên lớp, phối hợp chặt chẽ với phụ huynh để dạy tiếng việt cho trẻ ở nhà.

- Tổ chức đánh giá trẻ hằng ngày, cuối chủ đề, đánh giá trẻ tròn tháng phân loại học sinh yếu ở các lĩnh vực, có kế hoạch bồi dưỡng cho học sinh tham gia hội thi.

- Tạo môi trường cho trẻ hoạt động phù hợp với chủ đề nhằm kích thích trẻ tìm tòi khám phá.

- Tổ chức tốt các hội thi của trẻ, của giáo viên và phụ huynh học sinh, đánh giá công bằng khách quan, khen thưởng kịp thời những cháu có thành tích cao. Qua đó gắn kết trách nhiệm giữa gia đình và nhà trường.

- Tuyên truyền tới phụ huynh sử dụng nguồn hỗ trợ chi phí học tập đúng mục đích 100% sử dụng tài khoản không thanh toán bằng tiền mặt, đảm bảo học sinh có đủ đồ dùng, đồ chơi, học liệu theo thông tư 02/2010 của BGD&ĐT. Sử dụng triệt để có hiệu quả trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, phòng máy vi tính, phòng hoạt động âm nhạc.

-Phối kết hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường, giữa giáo viên chủ nhiệm với gia đình thông qua vở tập tô, làm quen với toán, sổ sức khỏe... Để nâng cao chất lượng dạy và học.

- Làm tốt công tác khen thưởng đối với học sinh giỏi, động viên kịp thời với những trẻ yếu để kích thích trẻ tham gia hoạt động.

Chuẩn bị các điều kiện bảo đảm thực hiện Chương trình GDMN mới trong các năm học tiếp theo đặc biệt là điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho trẻ.

D. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC:

I. Mục tiêu chương trình giáo dục nhà trẻ

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 3 tháng tuổi đến 3 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - xã hội và thẩm mỹ.

1. Phát triển thể chất

- Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

2. Phát triển nhận thức

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.

- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

3. Phát triển ngôn ngữ

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.

4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ kể chuyện...

II. Kế hoạch thực hiện

1. Phân phối thời gian

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ.

Thời điểm nghỉ hè, lễ, tết, nghỉ học kì theo qui định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Chế độ sinh hoạt

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày một cách hợp lí ở các cơ sở giáo dục mầm non nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ,

qua đó giúp trẻ hình thành những nền nếp, thói quen tốt và thích nghi với cuộc sống ở nhà trẻ.

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ NHÀ TRẺ 18 – 24 THÁNG TUỔI và 24 -36 THÁNG TUỔI

- Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ.
- Ngủ: 1 giấc trưa

Thời gian	Hoạt động
50 - 60 phút	Đón trẻ
110 - 120 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn phụ
50 - 60 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
50 - 60 phút	Chơi/ trả trẻ

III. Hướng dẫn thực hiện

Căn cứ Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và Chương trình giáo dục của nhà trường, giáo viên các lớp xây dựng kế hoạch giáo dục trẻ (năm học, tháng/chủ đề, tuần, ngày) phù hợp với tình hình của nhóm/lớp và khả năng của cá nhân trẻ trong lớp.

VI. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GD NHÀ TRẺ 18-24 THÁNG

1. Mục tiêu, nội dung

I. Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong Chủ đề
TT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a, Phát triển vận động			
1	Trẻ biết bắt chước một số động tác theo cô: Giơ cao tay- đưa về trước- sang ngang	Hô hấp: tập hít thở. - Tay: giơ cao, đưa phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên. - Chân: dang sang 2 bên, ngồi xuống, đứng lên.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
2	- Trẻ phối hợp chân, tay, cơ thể trong bò, trườn, chui qua vòng, qua vật cản	- Tập bò, trườn + Bò tới đích + Bò về phía trước + Bò chui qua cổng + Bò trong đường hẹp + Bò chui dưới dây + Bò có mang vật trên lưng	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9

		<ul style="list-style-type: none"> + Bò qua vật cản + Trườn về phía trước + Trườn tới đích + Trườn qua vật cản 	
3	- Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay, mắt: Biết lăn, bắt bóng với cô	<ul style="list-style-type: none"> - Ngồi lăn bóng bằng 2 tay + Ngồi lăn bóng với cô + Lăn bóng qua cổng 	1, 9
4	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật trên 2 tay và đi hết đoạn đường 1,8 – 2m	<ul style="list-style-type: none"> - Tập đi, chạy + Đi theo hướng thẳng + Đi có mang vật trên tay + Đi trong đường hẹp + Đi bước qua vật cản + Đi theo hiệu lệnh + Đi bước qua dây + Đi theo đường thẳng trên sàn + Đi trong đường hẹp có mang vật trên tay + Bước lên xuống bậc vịn + Tập bước lên xuống bậc thang + Chạy theo hướng thẳng 	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
5	- Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng 1 tay lên phía trước được khoảng 1,2m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m	<ul style="list-style-type: none"> - Tập tung – ném + Ném bóng qua dây + Tung bóng qua dây + Tung bóng bằng 2 tay + Ném bóng bằng 1 tay + Đứng ném bóng + Đá bóng xa 1,5m + Đứng ném bóng vào đích nằm ngang 	2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
6	- Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay	<ul style="list-style-type: none"> - Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Cầm, bóp, gỡ, đóng đồ vật. 	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
7	- Trẻ tháo, lắp lồng hộp được 3-4 hộp tròn, xếp chồng được 3- 4 khối trụ	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng mở nắp có ren. - Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông. - Xếp chồng 3-4 khối. - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay. 	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
<i>b, Giáo dục dinh dưỡng sức khỏe</i>			
8	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau, tập gọi tên được một số món ăn hằng ngày, thích ăn thịt, cá, rau, hoa quả...	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm nát, ăn được các loại thức ăn khác nhau 	1, 2, 3

9	- Trẻ ngủ một giấc ngủ trưa	- Làm quen với chế độ ngủ 1 giấc	1, 2
10	- Trẻ biết gọi người lớn khi có nhu cầu vệ sinh	- Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh - “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu ra vệ sinh	3, 4
11	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn(ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước)	- Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc - Tập ngồi vào bàn ăn - Làm quen với rửa tay, lau mặt	2, 3, 4
12	Trẻ biết tránh vật dụng nơi nguy hiểm(phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần	6, 7
13	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo chèo lên ghế, bàn...) khi được nhắc nhở không theo khi người lạ bế ẵm	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh	8, 9
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
<i>* Luyện tập và phối hợp các giác quan</i>			
14	- Trẻ biết sờ, nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu - Nghe âm thanh và tìm ra phát ra âm thanh - Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh - Ngửi mùi của một số hoa, quả quen thuộc, gần gũi - Nếm vị của một số loại quả, thức ăn	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
<i>* Nhận biết</i>			
15	- Trẻ chỉ hoặc nói được tên của của mình, những người gần gũi khi được hỏi	- Tên của bản thân - Hình ảnh của bản thân trong gương - Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm, lớp	1, 7

16	- Trẻ chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận trên cơ thể của người khi được hỏi	- Tên một số bộ phận của cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tay, chân	1
17	- Trẻ chỉ/lấy nói tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn	- Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, quả quen thuộc - Tên của phương tiện giao thông gần gũi	2, 4, 6, 7, 8
18	- Trẻ chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn	- Màu xanh – đỏ - Kích thước to – nhỏ	3, 6, 9
19	- Trẻ bắt chước hành động đơn giản của những người thân		5, 7, 8, 9

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

a, Nghe hiểu lời nói

20	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản: Đi đến đây; đi rửa tay...	- Trẻ nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói	6, 7, 8, 9
21	- Trẻ hiểu được từ “không”: dừng hành động khi nghe “Không được lấy!”, “Không được sờ!”...	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau	1, 2, 3, 4, 5
22	- Trẻ trả lời được câu đơn giản “Ai đây?”; “Con gì đây?”; “Cái gì đây?”...	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc. - Nghe các câu hỏi “Ở đâu?”; “Con gì?”; “Thế nào?” (“Gà gáy thế nào?”); “Cái gì?”; “Làm gì?” - Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh.	1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9

Nói lại các âm, các tiếng và các câu

23	- Trẻ nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: Con vịt, vịt bơi, bé đi chơi...	- Phát âm các âm khác nhau - Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
24	- Trẻ đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ - Mở sách xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh	4, 5, 6

Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp

25	- Trẻ nói được câu đơn 2 - 3 tiếng: Con đi chơi, bóng đá, mẹ đi làm...	- Trả lời và đặt câu hỏi: “Con gì?”; “Cái gì?”; “Làm gì?”	7, 8, 9
26	- Trẻ chủ động nói nhu cầu mong muốn của bản thân (Cháu uống nước, cháu muốn...)	- Thể hiện nhu cầu mong muốn của bản thân bằng câu đơn giản	7, 8, 9
4. Lĩnh vực tình cảm, kĩ năng xã hội và thẩm mỹ			
a, Phát triển tình cảm			
27	- Trẻ nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh trong gương khi được hỏi)	- Nhận biết tên gọi, hình ảnh bản thân	1
28	- Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi	- Giao tiếp với cô và bạn	1, 2, 3, 4, 5
29	- Trẻ cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh.	- Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh	6, 7, 8, 9
30	- Trẻ thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi - Quan tâm đến các vật nuôi	2, 4, 6
31	- Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”	1, 2, 3
32	- Trẻ bắt chước được một vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại)	- Trẻ thực hiện một số hành vi giao tiếp như: Chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”	4, 5, 6
33	- Trẻ làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn	- Thực hiện một số quy định để đồ dùng, đồ chơi đúng nơi quy định	7, 8, 9
34	- Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay)	- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các dụng cụ - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
35	- Trẻ thích vẽ, xem tranh	- Tập cầm bút vẽ - Xem tranh	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9

2. Dự kiến chủ đề và thời gian thực hiện chủ đề

Thời gian	S T T	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ /hội	Điều chỉnh bổ sung
8/9 - 3/10/2025	1	Trường mầm non của bé	Bé là ai?	2		
			Các bạn của bé	1		
			Lớp học của bé	1		
6/10 – 31/10/2025	2	Đồ dùng, Đồ chơi của bé	Bé vui tết Trung Thu	1	- Tết trung thu - Ngày 20/10 ngày PNVN	
			Đồ dùng của bé	2		
			Đồ chơi của bé	1		
3/11 – 28/11/2025	3	Các cô, bác trong nhà trẻ	Các cô, bác trong nhà trẻ	1	- Ngày nhà giáo việt nam 20/11	
			Công việc của cô giáo	1		
			Ngày hội của cô giáo	1		
			Công việc của các bác cấp dưỡng	1		
01/12- 26/12/2025	4	Cây và những bông hoa đẹp	Quả ngon của bé	1	- Ngày thành lập QĐND 22/12	
			Hoa đẹp quanh bé			
			Bé yêu cây xanh	1		
			Một số loại rau, củ	1		
29/12/2025 - 23/01/2026	5	Những con vật đáng yêu	Những con vật sống trong gia đình	2	- Tết dương lịch 1/1	
			Những con vật sống dưới nước	1		
			Những con vật sống trong rừng	1		
26/01- 06/03/2026	6	Ngày tết vui vẻ	Các loại hoa ngày tết	1	- Tết Nguyên Đán	
			Bé đi chơi tết	1		
			Các loại quả ngày tết	1		
			Mùa xuân với bé	1		
09/03 - 27/03/2026	7	Mẹ và những người thân yêu của bé	Bé và những người thân yêu	1	- Ngày 8/3	
			Đồ dùng gia đình bé	2		
30/03 -		Phương	Phương tiện giao thông đường bộ	2	- Giỗ tổ Hùng	

24/04/2026	8	tiện giao thông	Phương tiện giao thông đường hàng không	1	Vương	
			Phương tiện giao thông đường thủy	1		
27/4 - 22/5/2026	9	Mùa hè đến	Thời tiết mùa hè	1	- Ngày GP MN 30/4 - Ngày quốc tế lao động 01/5	
			Trang phục mùa hè	1		
			Bé yêu mùa hè	1		
Tổng				35		

V. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GD NHÀ TRẺ 24-36 THÁNG

1. Mục tiêu, nội dung

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
1. Giáo dục phát triển thể chất			
* Phát triển vận động			
1	Trẻ thực hiện các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/ bụng và chân.	<ul style="list-style-type: none">- Hô hấp:<ul style="list-style-type: none">+ Hít vào thật sâu+ Thở ra từ từ- Động tác phát triển cơ tay và bả vai:<ul style="list-style-type: none">+ Hai tay giơ lên cao, hạ xuống+ Hai tay đưa sang ngang, hạ xuống+ Hai tay đưa về phía trước, đưa về phía sau+ Một tay đưa về phía trước, một tay đưa về phía sau- Động tác phát triển cơ lưng, cơ bụng<ul style="list-style-type: none">+ Nghiêng người sang hai bên phải, trái+ Quay người sang hai bên phải, trái+ Cúi người xuống, đứng thẳng người lên+ Ngửa người ra phía sau- Động tác phát triển cơ chân<ul style="list-style-type: none">+ Đứng nhún chân+ Ngồi xuống, đứng lên+ Bật tại chỗ	- 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9

2	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh – chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập đi, chạy: + Đi theo hiệu lệnh + Đi trong đường hẹp + Đi có mang vật trên tay. + Đứng co một chân + Chạy theo hướng thẳng. + Đi bước qua gậy kê cao + Đi theo đường ngoằn ngoèo + Đi bước vào các ô + Chạy đổi hướng + Đi kết hợp với chạy + Đứng bước qua ghế + Bước lên xuống bậc cao 15cm + Bước lên, xuống bậc có vịn 	- 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
3	Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay- mắt: tung bắt bóng với cô ở khoảng cách 0,5 – 0,7m, ném vào đích xa 0,7 - 1m.	<ul style="list-style-type: none"> - Tung, ném, bắt: + Tung bắt bóng cùng cô + Tung bóng bằng hai tay + Tung bóng qua dây + Tung bắt bóng bằng hai tay + Ném bóng trúng đích(0,5 – 0,7m) + Ném bóng về phía trước + Ném xa bằng một tay 	- 1, 2, 3, 4, 6, 7
4	Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhún- bật + Bật tại chỗ + Bật qua vạch kẻ + Bật qua các vòng + Nhún bật về phía trước + Nhún bật vào vòng + Bật qua vạch kẻ, ném bóng về phía trước 	- 1, 2, 4, 6, 7, 9.
5	Trẻ phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	<ul style="list-style-type: none"> - Bò, trườn, trèo + Bò theo hướng thẳng + Bò thẳng hướng theo đường hẹp + Bò thẳng hướng có vật trên lưng + Bò chui qua cổng + Trườn chui qua cổng + Bò qua vật cản + Trườn qua vật cản + Bò theo đường đích đặt + Trườn về phía trước 	- 1, 2, 4, 5, 7, 8, 9
6	Trẻ vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện "múa khéo", thực hiện vận động tinh theo độ tuổi.	<ul style="list-style-type: none"> - Xoay tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây 	- 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9

		<ul style="list-style-type: none"> - Tập cầm bút vẽ. - Lật mở trang sách. - Chơi các TC luyện khả năng VĐ tinh 	
7	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn, vẽ tổ chim, khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ,	<ul style="list-style-type: none"> - Rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé - Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật - Chắp ghép hình. - Xếp chồng 4–5 khối 	-3, 4, 6, 9
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
8	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các thức ăn khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống: ăn chín, uống sôi - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, uống, vệ sinh. 	- 1, 2, 3
9	Trẻ ngủ một giấc buổi trưa.	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.	- 1,2,3, 5,7,8,9
10	Trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Tập thói quen tốt cho trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu vệ sinh. 	- 1, 7, 8, 9
11	Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh)	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện 1 số thói quen tốt trong sinh hoạt: Rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. - Tập tự phục vụ: <ul style="list-style-type: none"> + Xúc cơm, uống nước. + Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập 1 số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. 	- 4, 5, 6
12	Trẻ chấp nhận: Đội mũ khi ra nắng, mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. Đội mũ khi trời nóng, mặc thêm quần áo ấm khi trời lạnh.	- 2, 4, 5
13	Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần: nhét hạt vào mũi, không đến gần ổ điện...	- 3, 4.
14	Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm: chơi các vật	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh: Dao, kéo, đồ	- 5, 6

	sắc nhọn...khi được nhắc nhở	chơi bị vỡ không nghịch...	
2. Giáo dục phát triển nhận thức			
* Luyện tập và phối hợp các giác quan.			
15	Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nhận biết âm thanh của 1 số đồ vật, tiếng kêu của 1 số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi...đồ vật, hoa quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn, đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng, mềm, trơn, nhẵn – xù xì. - Nếm vị của 1 số thức ăn, quả (Ngọt-mặn; chua) 	- 3, 4,5, 6, 7
16	Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- 1, 2, 3, 9
17	Trẻ biết sử dụng 1 số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc theo sự hướng dẫn của cô.	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi ở trường, lớp - Tìm đồ vật vừa cất giấu. 	- 3, 6, 8
* Nhận biết			
18	Trẻ biết tên các cô bác trong trường, lớp khi được hỏi.	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, công việc của các bạn, các cô giáo, cô bác trong trường, lớp - Tình cảm của trẻ với bạn, của các cô bác đối với trẻ. 	- 1, 2, 3, 4
19	Trẻ biết về bản thân và những người gần gũi khi được hỏi: Ông bà, bố mẹ, anh chị, cô giáo...	<ul style="list-style-type: none"> - Tên và 1 số đặc điểm bên ngoài của bản thân - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên và công việc của các cô bác trong trường, tên trường, lớp, các khu vực trong trường, tết trung thu. 	- 1, 2, 4
20	Trẻ biết được 1 số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Tên, chức năng chính 1 số bộ phận cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	- 2, 6,8, 9
21	Trẻ biết được các đồ vật, hoa quả quen thuộc, con vật quen	- Tên và 1 số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả.	- 5, 6, 7, 8

	thuộc.	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh	
22	Trẻ chỉ/ nói tên, lấy hoặc cắt đúng đồ chơi màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu, có một số khái niệm sơ đẳng về hình dạng	- Màu đỏ, vàng, xanh. - Hình tròn, hình vuông - Một số màu cơ bản, hình dạng so với bản thân trẻ.	- 1, 5, 9
23	Trẻ chỉ, lấy hoặc cắt đúng đồ chơi có kích thước to/ nhỏ theo yêu cầu, có một số khái niệm sơ đẳng về kích thước, vị trí trong không gian, số lượng.	- Kích thước (to – nhỏ) - Vị trí trong không gian (trên, dưới) so với bản thân trẻ. - Số lượng một - nhiều - Một số màu cơ bản, kích thước, số lượng, vị trí không gian so với bản thân trẻ.	- 2, 7, 8, 9

3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

* Nghe			
24	Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 1 – 2 hành động	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói có sự giúp đỡ	- 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.
25	Trẻ trả lời các câu hỏi: Ai đây ? Cái gì đây ?....làm gì ? ...thế nào ?(Ví dụ: Con gà gáy thế nào ?)	- Nghe các câu hỏi: Cái gì ?; Làm gì ?; Để làm gì ?; Ở đâu ?; Như thế nào ?...	- 1, 2, 3, 4, 5, 7
26	Trẻ nói cùng cô nội dung bài thơ, câu truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Trẻ nói cùng cô nội dung câu chuyện. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần có sự gợi ý. - Lắng nghe khi người lớn đọc sách.	- 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
* Nói			
27	Trẻ biết phát âm rõ tiếng.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có 3 - 4 tiếng.	- 1, 4, 6, 8
28	Trẻ biết đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn gần gũi với trẻ.	- 5, 7, 9
29	Trẻ nói được cùng cô câu đơn giản, câu có 3 – 5 tiếng	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 – 2 câu đơn giản hoặc	- 2, 3, 4

	có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	câu dài với sự giúp đỡ gợi ý.	
30	Trẻ biết cách cầm sách theo sự giúp đỡ của cô, giở từng trang và biết "đọc vẹt" cùng cô theo tranh minh họa, biết lật trang sách mà không cần sự trợ giúp	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe khi người lớn đọc sách - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hoạt động gần gũi trong tranh. - Biết lật trang sách mà không cần sự trợ giúp: Mở sách, xem và gọi tên sự vật, hành động của các nhân vật trong tranh. 	- 6, 8, 9
31	Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: Trò chuyện, chào hỏi, bày tỏ nhu cầu của bản thân khi có người gọi ý.	- Trả lời và đặt câu hỏi	- 3, 4, 5, 6.
32	Biết nói to, đủ nghe, lễ phép	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.	- 7, 8, 9
4. Giáo dục phát triển tình cảm KNXH			
* Phát triển tình cảm			
33	Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi)	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.	- 2, 4, 6, 8
34	Trẻ thể hiện điều mình thích và không thích	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.	- 3, 5, 7, 9
* Phát triển kĩ năng xã hội			
35	Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh.	- 1, 2, 3, 9
36	Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.	- 5, 6, 7
37	Trẻ biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua cử chỉ nét mặt.	- Trẻ vui khi nhận được quà, buồn khi bị cô giáo mắng,...	- 4, 8.
38	Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi, bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các con vật nuôi.	- 7

* Phát triển cảm xúc thẩm mỹ			
39	Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ, biết thực hiện các hành vi giao tiếp văn hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện một số hành vi văn hóa giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ vâng ạ - Biết thực hiện hành vi giao tiếp văn hóa và thực hiện các quy định đơn giản trong giao tiếp, sinh hoạt. 	-1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9
40	Trẻ thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ.	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm lớp	- 1, 2, 3
41	Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.	- 1, 3
42	Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn khi có sự hướng dẫn.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.	1, 4, 5, 6, 9
43	Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.	- Nghe hát và nghe nhạc với các giai điệu khác nhau, nghe âm thanh của các nhạc cụ.	- 6, 8
44	Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh...	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình - Xem tranh 	- 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9

2. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

Thời gian (Tháng)	S T T	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/hội	Đ/c bổ sung
9 (Từ ngày 08/09 Đến 26/09/ 2025)	1	BÉ VÀ CÁC BẠN	- Bé biết nhiều thứ (8/9 - 12/9/2025)	1	Lễ khai giảng 5/9	
			- Bé và các bạn ở lớp (15/9 - 19/9/2025)	1		
			- Lớp học của bé (22/9 - 26/9/2025)	1		
9 + 1 (Từ ngày 29/9 đến 17/10/2025)	2	ĐỒ CHƠI CỦA BÉ	- Đồ chơi của bé - (29/09 - 03/10/2025)	1	Tết trung thu	
			- Đồ dùng để ăn, uống (06/10 – 10/10/2025)	1		
			Bé vui tết trung thu (13/10 - 17/10/2025)	1		
10 - 11	3	CÁC BÁC	- Ngày hội của các cô	1		

(Từ ngày 20/10 đến 14/11/2025)		CÁC CÔ TRONG TRƯỜNG	(20/10 - 24/10/2025)		Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10	
			- Công việc của cô bác trong nhóm trẻ (27/10 - 31/10/2025)	1		
			- Đồ dùng để uống (03/11 - 7/11/2025)	1		
			- Các cô bác trong nhóm trẻ của bé (10/11 - 14/11/2025)	1		
11 - 12 (Từ ngày 17/11 đến 12/12/2025)	4	CÂY VÀ NHỮNG BÔNG HOA ĐẸP	- Các loại hoa (17/11 - 21/11/2025)	1	Lễ kỉ niệm ngày NGVN 20/11	
			- Quả ngon của bé (24/11 - 28/11/2025)	1		
			- Bé yêu cây xanh (01/12 - 05/12/2025)	1		
			- Một số rau củ (8/12 - 12/12/2025)	1		
12 - 1 (Từ ngày 15/12/2025 đến 09/01/2026)	5	NHỮNG CON VẬT ĐÁNG YÊU	- Những con vật nuôi trong gia đình (15/12 - 26/12/2025)	2	- Ngày thành lập quân đội nhân dân việt nam 22/12	
			- Những con vật sống dưới nước (29/12 - 02/01/2025)	1		
			- Những con vật sống trong rừng (05/01 - 09/01/2026)	1		
1 (Từ ngày 12/01/2026 đến 30/01/2026)	6	NGÀY TẾT VUI VẺ	- Bé đi chơi tết (12/01- 16/01/2026)	1	Tết Nguyên Đán	
			- Các loại quả ngày tết (19/01- 23/01/2026)	1		
			- Mùa xuân với bé (26/01- 30/01/2026)	1		
2 - 3 (Từ ngày 02/02 đến 13/03/2026)	7	MẸ VÀ NHỮNG NGƯỜI THÂN YÊU CỦA BÉ	Đồ dùng trong gia đình (02/02 – 27/02/2026)	2	Ngày Q.tế phụ nữ 8/3	
			Ngày 8/3 (02/03 – 06/03/2026)	1		
			Bé và những người thân yêu (09/03 – 13/03/2026)	1		
3 - 4 (Từ ngày 16/3 đến 10/4/2026)	8	PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG	- PTGT đường bộ (16/3 - 27/3/2026)	2		
			- PTGT đường không (30/3 - 03/4/2026)	1		
			- PTGT đường thủy (06/4 - 10/4/2026)	1		
4 - 5 (Từ ngày 13/4 đến 01/5/2026)	9	MÙA HÈ ĐẾN RỒI	- Thời tiết mùa hè (13/4 - 17/4/2026)	1	- Chào mừng ngày GPMNTNĐ N 30/4	
			- Trang phục mùa hè (20/4 - 24/4/2026)	1		

			- Hoạt động trong mùa hè (27/4 - 01/5/2026)	1	- Ngày quốc tế lao động 1/5	
5 (Từ ngày 04/5 đến 22/5/2026)	10	BÉ LÊN MẪU GIÁO	- Lớp mẫu giáo của bé (04/5 - 08/5/2026)	1	- Mừng ngày sinh nhật Bác	
			Các hoạt động của bé trong lớp mẫu giáo (11/5 – 15/5/2026)	1		
			- Đdđc lớp MG (18/5 - 22/5/2026)	1		
Tổng		10 chủ đề	32 nhánh	35		

IV. Mục tiêu chương trình giáo dục Mẫu giáo

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

1. Phát triển thể chất

- Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: Nhanh Nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khoẻ.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khoẻ và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

2. Phát triển nhận thức

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

3. Phát triển ngôn ngữ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hằng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội

- Có ý thức về bản thân, biết coi trọng bản thân.
- Có khả năng nhận biết, thể hiện và kiểm soát cảm xúc của bản thân, kiểm soát hành vi cá nhân tiêu cực, đồng cảm với mọi người xung quanh.

- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực, khiêm tốn, giản dị, trung thực.
- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ, chấp nhận, chính kiến của người khác, yêu thương, trách nhiệm, khoan dung, đoàn kết, kỹ năng kiểm soát cảm xúc bản thân.
- Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.
- Nhận biết, thái độ và hành vi bảo vệ môi trường.

5. Phát triển thẩm mỹ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật.

V. Kế hoạch thực hiện

1. Phân phối thời gian

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần 5 ngày, áp dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục được thực hiện theo chế độ sinh hoạt hằng ngày.

Thời điểm nghỉ hè, các ngày lễ tết, nghỉ học kì theo qui định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Chế độ sinh hoạt

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày ở cơ sở giáo dục mầm non một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành thái độ, nền nếp, thói quen và những kỹ năng sống tích cực.

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ MẪU GIÁO

Thời gian	Hoạt động
80 - 90 phút	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng
30 - 40 phút	Học
40 - 50 phút	Chơi, hoạt động ở các góc
30 - 40 phút	Chơi ngoài trời
60 - 70 phút	Ăn bữa chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn bữa phụ
70 - 80 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích
60 - 70 phút	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

VI. Hướng dẫn thực hiện

Căn cứ Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và Chương trình giáo dục của nhà trường, giáo viên các lớp xây dựng kế hoạch giáo dục trẻ (năm học, tháng/chủ đề, tuần, ngày) phù hợp với tình hình của nhóm/lớp và khả năng của cá nhân trẻ trong lớp.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GD KHỐI MG BÉ 3 – 4 TUỔI.

1. Mục tiêu, nội dung

TT	Mục tiêu	Nội dung	Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh
1. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT				
a. Phát triển vận động				
Trẻ thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp				
1	Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: <ul style="list-style-type: none"> + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân. 	1, 2, 3, 4	
Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động				
2	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: <ul style="list-style-type: none"> - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) - Đi kiễng gót liên tục 3m. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi trong đường hẹp. - Đi kiễng gót. 	2, 7, 8, 9	
3	Trẻ kiểm soát được vận động: <ul style="list-style-type: none"> - Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc. 	1, 3, 4, 6	
4	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: <ul style="list-style-type: none"> - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m) - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm). 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. - Lăn, đập, tung bắt bóng với cô. 	2, 3, 4, 7, 8, 9	
5	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh,	- Ném xa bằng 1 tay.	1, 3, 4, 5, 6,	

	khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m) - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.	- Ném trúng đích bằng 1 tay. - Bò, trườn theo hướng thẳng, đích dốc. - Bò chui qua cổng. - Trườn về phía trước. - Bước lên, xuống bậc cao (30cm) - Bật tại chỗ. - Bật về phía trước. - Bật xa 20 - 25 cm.	7, 8, 9	
--	---	--	---------	--

*** Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt**

6	Trẻ thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau.	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan tết.	1, 2, 3, 4, 5	
7	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. - Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc.	- Tô vẽ nguyệt ngoặc. - Xé dán giấy. - Sử dụng kéo, bút. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Cài, cởi cúc.	1, 2, 3, 4, 5, 6	

B. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

*** Biết 1 số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe**

8	Trẻ nói được đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...)	- Nhận biết một số thực phẩm quen thuộc.	1, 3, 5, 6	
9	Trẻ biết tên 1 số món ăn hằng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	- Nhận biết một số món ăn quen thuộc.	3, 5, 6	
10	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)	2	

* Thực hiện được 1 số việc tự phục vụ trong sinh hoạt				
11	<p>Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo... - Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ngủ, vệ sinh. 	1, 2, 3, 8	
* Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe				
12	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.	2,	
13	<p>Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. 	2, 8	
14	Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (Bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	2, 3	
15	Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (Hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn đến tính mạng.	4, 8	
16	<p>Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không cưỡi đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không tự lấy thuốc uống - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. 	2, 3, 5	
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức				

a) Khám phá khoa học				
* Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng				
17	Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện tượng nắng mưa, nóng lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày. 	2, 8	
18	Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Khám phá cái mũi(5E) 	2	
19	Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	<ul style="list-style-type: none"> - Một vài đặc điểm, tính chất của đất đá, cát sỏi... - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày. - Khám phá sự kì diệu của nước (5E) 	8	
20	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. 	8	
21	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	<ul style="list-style-type: none"> - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. 	8	
* Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản				
22	Trẻ nhận ra được một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	<ul style="list-style-type: none"> - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. 	5, 6, 8	
* Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau				
23	Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - khám phá quả (quả quýt) - Tên, đặc điểm, công 	1,3, 5, 6, 7	

		dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.		
24	Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.	5, 6	
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán				
* Nhận biết số đếm, số lượng				
25	Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm trên đối tượng theo khả năng.	9	
26	Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5.	5, 6, 7	
27	Trẻ biết so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	1 và nhiều.	4	
28	Trẻ biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.	5, 6, 7, 8	
29	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	5, 6, 7	
* Sắp xếp theo quy tắc				
30	Trẻ nhận ra được quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. - Xếp xen kẽ.	3, 4, 9	
* So sánh hai đối tượng				
31	Trẻ biết so sánh được 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh hai đối tượng về kích thước	3, 4	
* Nhận biết hình dạng				
32	Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: hình tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thức tế.	8, 9	

		- Sử dụng các hình hình học để ghép.		
* Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian				
33	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	1, 2	
c) Khám phá xã hội				
* Nhận, biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng				
34	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.	2	
35	Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình.	3	
36	Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Địa chỉ của gia đình.	3	
37	Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	1	
* Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương				
38	Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng...khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến. - Tìm hiểu về ngày nhà giáo việt nam (5 E)	4	
* Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh				
39	Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu, 8/3... qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Cờ tổ quốc và ngày lễ hội của địa phương	1, 2, 3, 4, 6, 7, 9	
40	Trẻ biết kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	- Tên di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh.	9	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
* Nghe hiểu lời nói				
41	Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản. Ví dụ: Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ.	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.	2	
42	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát	- Hiểu các từ chỉ người,	1, 2, 3, 5, 6	

	gắn gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả....	tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.		
43	Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, câu đố, tục ngữ, hò, vè phù hợp với độ tuổi. 	Từ chủ đề 1 đến chủ đề 9	
44	<i>Trẻ nghe và nhắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 3, một số từ, cụm từ rất đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi bằng tiếng Anh.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Nghe từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh.</i> - <i>Nghe, đếm số: one, two, three.</i> 	Từ chủ đề 1 đến chủ đề 9	
* Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày				
45	Trẻ nói được rõ ràng các tiếng.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt.	6, 7, 8, 9	
46	Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả sự vật tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Trả lời và đặt các câu hỏi: Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào? Để làm gì?. 	3, 4, 7	
47	Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép. Trẻ có khả năng diễn tả và đáp lại các cảm xúc của người khác. Thông qua đó, trẻ biết lắng nghe, thông cảm, đồng cảm, chia sẻ với người khác và coi trọng bản thân.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.	2, 3	
49	Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	Từ chủ đề 1 đến chủ đề 9	
50	Trẻ kể lại được truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn. Trẻ có khả năng hiểu và thấu cảm được các loại cảm xúc (buồn, vui, yêu thương, tức giận, ganh tị, sợ hãi,	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.	Từ chủ đề 1 đến chủ đề 9	

	xấu hổ,...), đồng thời biết nguyên nhân và hậu quả của các loại cảm xúc ấy			
51	Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.	7, 8, 9	
52	Trẻ biết sử dụng các từ: Vâng ạ, dạ, thưa...trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	Từ chủ đề 1 đến chủ đề 9	
53	Trẻ biết nói đủ nghe không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp.	1, 2, 3	
54	<i>Trẻ nhắc lại được, gọi được tên một số đồ vật, sự vật và hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi bằng Tiếng Anh</i>	<i>- Nhắc lại, nói từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật và hành động rất đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh</i>	Từ chủ đề 1 đến chủ đề 9	
* Làm quen với việc đọc viết				
55	Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Giữ gìn sách.	6, 7, 8, 9	
56	Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Tiếp xúc với sách truyện. - Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)	1, 2, 3, 7	
57	Trẻ thích vẽ, "viết" nguệch ngoạc.	- Tiếp xúc với chữ. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.	5, 6, 7, 8, 9	
58	Trẻ thích xem tranh ảnh, minh họa và đọc theo thành tiếng, từ chỉ người, gọi tên đồ vật, sự vật, hiện tượng	- Làm quen với tranh ảnh, minh họa chỉ người, đồ vật, sự vật và hành động đơn giản và	3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	

	và hành động trong phạm vi từ vựng được làm quen.	quen thuộc. - Làm quen với tiếng anh với tranh ảnh chỉ người, đồ vật, sự vật và hành động đơn giản và quen thuộc		
4. Lĩnh vực phát triển TC & KNXH				
* Thể hiện ý thức về bản thân				
59	Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính.	2	
60	Trẻ nói được điều bé thích, không thích. Trẻ có thể nhận biết, gọi tên đúng cảm xúc của bản thân mình và cảm xúc của những người xung quanh; thể hiện cảm xúc của mình và những người xung quanh qua lời nói, cử chỉ, điệu bộ.	- Những điều bé thích, không thích. - Trẻ nhận ra cảm xúc vui, buồn...Giải quyết xung đột và kiểm soát bản thân.	2	
* Thể hiện sự tự tin, tự lực				
61	Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi. Đồng cảm với người xung quanh (Chia sẻ, niềm vui nỗi buồn với mọi người xung quanh)	- Nhận biết được 1 số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	2, 3, 9	
62	Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)	Trẻ nhìn nhận bản thân tích cực, có lòng biết ơn khi bạn chia sẻ đồ chơi.	1, 5	
* Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh				
63	Trẻ nhận biết và thể hiện được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	2, 3, 4, 9	
64	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận. Kiểm soát cảm xúc của bản thân, chế ngự hành vi tiêu cực.	- Nhận biết hành vi “đúng - sai”, “tốt - xấu”	2, 3	
65	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác	- Kính yêu Bác Hồ.	9	

	Hồ.			
66	Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	9	
* Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội				
67	Trẻ thực hiện được quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột.	1, 3	
68	Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Tôn trọng người lớn, có cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn).	1, 2, 3	
69	Áp dụng các quy tắc xã hội, chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Chờ đến lượt.	4, 7	
70	Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Kiểm soát bản thân, giải quyết xung đột, Chơi hòa thuận với bạn.	2	
* Quan tâm đến môi trường				
71	Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối. - Tiết kiệm điện nước.	5, 6, 7	
72	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.	5, 6, 7, 8	
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ				
* Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật				
73	Trẻ biết vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi.	5	
74	Trẻ biết chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc: Thích nghe, đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).	2, 6	
75	Trẻ biết vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp	- Bộc lộ cảm xúc khi ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện	8	

	nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.		
* Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình				
76	Trẻ biết hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	
77	Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	1, 3, 5, 7, 8, 9	
78	Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. <i>-Sử dụng các nguyên vật liệu tự nhiên để tạo ra nhiều sản phẩm mới.</i>	3,5,7	
79	Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo thành sản phẩm đơn giản.	1, 2, 3, 4, 6, 7, 9	
80	Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành sản phẩm đơn giản.	1, 2, 4, 5, 8,9	
81	Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có một khối hoặc hai khối.	- Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm đơn giản. <i>- Sử dụng bột nặn làm bánh trôi (EDP)</i> <i>- Làm thạch từ khuôn (5E)</i>	1, 3, 6, 7,8	
82	Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm đơn giản.	3	
83	Trẻ có khả năng nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.	Từ chủ đề 1 đến chủ đề 9	
* Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (Âm nhạc, tạo hình)				
84	Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	6, 7, 8, 9	
85	Trẻ biết tạo ra các sản	- Tạo ra các sản phẩm	6, 7, 8, 9	

	phẩm tạo hình theo ý thích.	đơn giản theo ý thích.		
86	Trẻ có khả năng đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	6, 7, 8, 9	

2. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

ST T	CHỦ ĐỀ GIÁO DỤC			Ghi chú (Lễ hội/hoạt động/dự án GD STEAM)	Điều chỉnh bổ sung
	Chủ đề chính	Chủ đề nhánh/dự án	Số tuần, thời gian thực hiện		
1	Trường mầm non	Trường mầm non của bé	1 tuần (8-12/9/2025)		
		Đồ dùng đồ chơi	1 tuần (15-19/9/2025)		
		Lớp học của bé	1 tuần (22-26/9/2025)	GD STEAM “Làm thạch từ khuôn”	
2	Bản thân	Tôi là ai	1 tuần (29/9-3/10/2025)	Xé dán các dải băng màu (Steam)	
		Tết trung thu	1 tuần (6-10/10/2025)	Tết trung thu	
		Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1 tuần (13-17/10/2025)		
3	Gia đình	Ngôi nhà thân yêu của bé	1 tuần (20-24/10/2025)	Ngày thành lập Hội Liên Hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10	
		Bé và những người thân yêu trong gia đình	1 tuần (27-31/10/2025)		
		Đồ dùng trong gia đình	1 tuần (3-7/11/2025)		
		Nhu cầu dinh dưỡng trong gia đình	1 tuần (10-14/11/2025)	GD STEAM “Làm ngôi nhà”	
4	Ngành nghề	Ngày Nhà Giáo Việt Nam 20/11	1 tuần (17-21/11/2025)	GD STEAM “Tìm hiểu ngày nhà giáo Việt Nam” Tọa đàm ngày 20/11 ngày nhà giáo việt nam	
		Nghề xây dựng	1 tuần (24-28/11/2025)		
		Nghề y	1 tuần		

			(01-05/12/2025)		
		Nghề nông	1 tuần (8-12/12/2025)		
		Quân đội nhân dân 22/12	1 tuần (15-19/12/2025)	Ngày 22/12 ngày quân đội nhân dân Việt Nam	
5	Động vật	Động vật nuôi trong gia đình	1 tuần (22-26/12/2025)		
		Động vật sống dưới nước	1 tuần (29-03/01/2026)	Làm con cá (steam)	
		Động vật sống trong rừng	1 tuần (05/01-09/01/2026)		
6	Thực vật-Tết và mùa xuân	Tết và mùa xuân	1 tuần (12-16/1/2026)	Hội chợ xuân	
		Cây xanh quanh bé	1 tuần (19-23/1/2026)		
		Một số loại hoa	1 tuần (26-30/1/2026)		
		Một số loại rau, củ, quả	1 tuần (02-06/2/2026)	GD STEAM “Khám phá quả quất”	
7	PTGT	Phương tiện giao thông đường bộ	1 tuần (23/02-27/2/2026)	GD STEAM “làm ô tô bằng nguyên vật liệu phế thải”	
		Ngày 8/3	1 tuần (02/3- 06/03/2026)	Tọa đàm ngày 8/3 .	
		Phương tiện giao thông đường thủy	1 tuần (09-13/3/2026)		
		Phương tiện giao thông đường hàng không.	1 tuần (16-20/3/2026)		
8	Nước - HTTN	Nước	1 tuần (23/3-27/4/2026)	GD STEAM “Khám phá sự kì diệu của nước”	

		Hiện tượng thời tiết	1 tuần (30/03-03/4/2026)		
		Các mùa trong năm	2 tuần (06-17/4/2026)		
9	Quê hương-Đất nước-Bác hồ	<i>Quê Hương - Đất Nước</i>	1 tuần (20/4-24/5/2026)		
		<i>Tuần Giáo quê em</i>	2 tuần (27/4- 8/5/2026)	GD STEAM “làm bánh trôi”	
		<i>Bác Hồ với các cháu thiếu nhi</i>	2 tuần (11/5-22/5/2026)	Sinh nhật Bác Hồ	
35 Tuần					

IV. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GD KHỞI MG MG NHỞ 4 -5 TUỔI.

1. Mục tiêu, nội dung

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
I. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT			
a. Phát triển vận động			
* Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.			
1	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	<ul style="list-style-type: none">- Tay:<ul style="list-style-type: none">+ Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay).+ Co và duỗi tay, vỗ hai tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu).- Lưng, bụng, lườn:<ul style="list-style-type: none">+ Cúi người về phía trước, ngửa người ra sau.+ Quay sang trái, sang phải.+ Nghiêng người sang trái, sang phải.- Chân:<ul style="list-style-type: none">+ Nhún chân.+ Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ.+ Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	1-9

* Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động.		
2	<p>Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi bằng gót chân - Đi khuyu gối - Đi lùi. - Đi trên ghế thể dục. - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. <p>3,5,7,9</p>
3	<p>Trẻ kiểm soát được vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 - 5 vật chuẩn đặt đích dắc). 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. - Chạy chậm 60 - 80 m. <p>1,3,6</p>
4	<p>Trẻ phối hợp được tay - mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m) - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m) - Tự đập bắt bóng được 4 - 5 lần liên tiếp 	<ul style="list-style-type: none"> - Ném xa bằng 1 tay. - Ném xa bằng 2 tay. - Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Tung bắt bóng với người đối diện. - Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân. - Đập và bắt bóng tại chỗ. - Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 tay. <p>1,3,4,5,6,7,8,9</p>
5	<p>Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m) - Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy 15m trong vòng 10 giây. - Bò bằng bàn tay, bàn chân (3 - 4m). - Bò đích dắc qua 5 điểm. - Trườn theo hướng thẳng. - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Trèo lên, xuống 5 gióng thang. - Bò chui qua cổng. - Bò chui qua ống dài 1,2m x 0,6m. - Bật xa 35 - 40 cm. - Bật liên tục về phía trước. - Bật qua vật cản cao 10 - 15 cm. - Ném trúng đích nằm ngang <p>2,4,5,6,7,8,9</p>

		xa 2m. - Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). - Bật tách và khép chân qua 5 ô. - Nhảy lò cò 3m.	
* Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt			
6	Trẻ thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở, các ngón tay.	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi....	1-9
7	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	- Gập giấy. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.	1-9
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.			
* Biết 1 số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.			
8	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng).	2
9	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày.	1,3
10	Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - Nhận biết ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.	1,3
* Thực hiện được 1 số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.			
11	Trẻ thực hiện được một số	- Tập đánh răng, lau mặt.	2

	việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	- Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng.	
12	- Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.		2
* Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe.			
13	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.... - Không uống nước lã.	- Tập luyện 1 số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.	4
14	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, hoặc sốt. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	2,3
* Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.			
15	Trẻ biết nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm, không đến gần. Biết các vật sắc, nhọn không nên nghịch	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	4
16	Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn, đến tính mạng.	7
17	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm	1,6

	khi được nhắc nhở: - Không cưỡi đu trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ; không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	đến tính mạng.	
18	Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	7,8
II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC			
a. Khám phá khoa học			
* Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng.			
19	Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?...	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. <i>- Dự đoán kết quả khi pha trộn các màu nước với nhau.</i> <i>Tên các màu sắc, ứng dụng của màu sắc trong cuộc sống,</i> <i>- Thấy màu sắc có ở tất cả mọi thứ xung quanh trẻ, sự</i>	8

		<i>biến đổi của màu sắc khi pha trộn các màu nước vào nhau. Lợi ích của màu sắc trong cuộc sống. (steam)</i>	
20	Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác trên cơ thể. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm, công dụng của 1 số PTGT. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. <p><i>+ Những con vật đẻ trứng, đẻ con.</i></p> <p><i>+ Tên gọi của một số loại trứng: trứng gà, trứng chim cút, biết một số đặc điểm của quả trứng về: hình dạng; màu sắc; tính chất vỏ trứng cứng hay mềm; lòng trắng, lòng đỏ của trứng sống, trứng chín; trứng dễ vỡ hay không dễ vỡ.</i></p> <p><i>+ Lợi ích từ trứng: chế biến các món ăn tốt cho sức khỏe ... (steam)</i></p> <p><i>+ Những bông hoa đẹp quanh bé ... (steam)</i></p>	1,2,5,6,7
21	Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ pha màu / đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, phán đoán mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. 	8
22	Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh 	8

	chuyện.	sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.	
23	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo 1 hoặc 2 dấu hiệu.	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1- 2 dấu hiệu. - Phân loại PTGT theo 1 - 2 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu. - <i>Tên gọi, đặc điểm màu sắc, hương vị của bánh trung thu: vị ngọt, mặn,...</i> - <i>Quy trình làm ra chiếc bánh trung thu, các bước để cắt chiếc bánh và sắp xếp hợp lý. (Steam)</i> 	2,3,7
* Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.			
24	Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. VD: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	8
25	Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. 	5,6
* Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau.			
26	Trẻ nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, hoa, quả. 	1,5,6
27	Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...		1-9
b. Làm quen một số khái niệm sơ đẳng về toán.			
* Nhận biết số đếm, số lượng.			
28	Trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	9
29	Trẻ biết so sánh số lượng 2	- Xếp tương ứng 1:1, Ghép	1,3

	nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	đôi.	
30	Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.	4,6
31	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	- Tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	3,4,6
32	Trẻ sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.	1,3,5,6
33	Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe....).	7
34	Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: Bao nhiêu? là số mấy?...		4,9
* Sắp xếp theo quy tắc			
35	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	5,7,8
* So sánh hai đối tượng			
36	Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của hai đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.	8,9
* Nhận biết hình dạng			
37	Trẻ chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	4
38	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	7
* Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian.			
39	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).	2
40	Trẻ mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian	- Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối.	8

	trong ngày.		
c. Khám phá xã hội			
* Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng.			
41	Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.	2
42	Trẻ nói họ, tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình.	3
43	Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	Địa chỉ gia đình.	3
44	Trẻ nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường, lớp. - Steam : Trò chuyện về trường mầm non	1
45	Trẻ nói tên, 1 số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên và công việc của cô giáo và các bác ở trường.	1
46	Trẻ nói tên và 1 vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	1
* Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương.			
47	Trẻ kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi ...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống ở địa phương.	4
* Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh.			
48	Trẻ kể tên và nói đặc điểm của 1 số ngày lễ hội.	- Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.	9
49	Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh của quê hương, đất nước.	9
III. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ			
* Nghe, hiểu lời nói.			
50	Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, VD: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.	1

51	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.	3
52	Trẻ lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	2
53	Trẻ nghe từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi bằng tiếng Anh.	- Nghe hiểu từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động, đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh trong phạm vi 70 từ, cụm từ.	1-9
* Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày			
54	Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.	9
55	Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh. - Trả lời và đặt các câu hỏi: Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào? Để làm gì?.	3
56	Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	1-9
57	Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	1-9
58	Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao.	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1-9
59	Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể lại chuyện đã được nghe.	1-9
60	Trẻ bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch.	5, 9
61	Trẻ sử dụng các từ như: Mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi.... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	9
62	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	2
63	Trẻ nhắc lại được, gọi tên được đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi bằng Tiếng Anh.	Nhắc lại, nói từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi bằng tiếng Anh trong phạm vi khoảng 70 từ, cụm từ.	4,8
* Làm quen với việc đọc - viết.			
64	Trẻ biết chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.	4

65	Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.	7
66	Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh; “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Giữ gìn, bảo vệ sách. - Làm quen với cách đọc tiếng việt. + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; Đọc ngắt nghỉ sau các dấu.	6,7,8,9
67	Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,...	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)	4
68	Trẻ sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng....	- Tập tô, tập đồ các nét chữ - Nhận dạng một số chữ cái. Chữ cái: o, ô, a, e, k, u, l, b, m, g, x, v...	6,7,8,9
69	Trẻ làm quen với một số ký hiệu bằng tiếng Anh thông thường phù hợp với độ tuổi. VD: Biển có hình ảnh lối ra dưới hình ảnh là từ “EXIT”, nhà vệ sinh “toilet”.	Làm quen với tranh ảnh, tranh minh họa chỉ người, đồ vật, sự vật và hành động rất đơn giản và quen thuộc có tiếng Anh phù hợp với độ tuổi.	2

IV. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM - KĨ NĂNG XÃ HỘI

* Thể hiện ý thức về bản thân

70	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính.	2
71	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân.	2

* Thể hiện sự tự tin, tự lực.

72	Biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.		1-9
73	Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).		1-9

* Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh.

74	<p>Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. Cảm xúc tích cực : Thơ : - Hứng thú, vui vẻ - Bình yên, thư giãn - Đồng cảm, thương yêu - Tò mò, khám phá Truyện - Thích thú, hồi hộp - Đồng cảm, vui cùng nhân vật - Ngưỡng mộ, yêu quý nhân vật tốt * cảm xúc khác: - Buồn, lo lắng - Sợ hãi nhưng được giải tỏa 	1,2,3,4,5,6,7,8,9
75	<p>Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình. Trò chơi - Phấn khởi, hào hứng - Tự tin, hãnh diện - Đoàn kết, gắn bó - Tò mò, sáng tạo * cảm xúc khác: Buồn, thất vọng khi thua Qua các bài hát - Vui vẻ, hứng thú khi được hát những bài quen thuộc - Biểu lộ sự tự tin, mạnh dạn khi hát cùng cô và bạn - Thoải mái, yêu thích âm nhạc, thể hiện cảm xúc qua giọng hát và cử chỉ Hoạt động tạo hình - Hào hứng, tò mò khi khám phá màu sắc, hình khối - Tự tin, tự hào khi sản phẩm được khen hoặc trưng bày - Thể hiện sự tập trung, sáng tạo, tưởng tượng phong phú 	1-9

		- Cảm thấy thư giãn, nhẹ nhàng khi hoạt động bằng tay	
76	Trẻ thích thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - Biết ơn công lao của Bác Hồ	9
77	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Trẻ biết ơn người lao động, chú bộ đội bảo vệ Tổ quốc.	9
78	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.		9
* Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.			
79	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	Trẻ biết ơn cô giáo, bạn bè cùng học tập và vui chơi.	1,3
80	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	Trẻ biết ơn cây cối vì cho bóng mát, hoa, quả.	6
81	Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	Trẻ biết ơn động vật mang lại lợi ích cho con người.	5
82	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	Trẻ biết ơn chú công an, bác tài xế giữ an toàn giao thông.	7
83	Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...).	Trẻ biết ơn người lao động, chú bộ đội bảo vệ Tổ quốc.	4
* Quan tâm đến môi trường			
84	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.	5,6
85	Biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ vệ sinh môi trường.	9
86	Biết không bẻ cành, bứt hoa.	- Phân biệt hành vi đúng - sai, tốt - xấu.	6
87	Trẻ không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Tiết kiệm điện, nước.	8
V. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ			

*** Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật**

88	Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc.	2
89	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).	6
90	Trẻ thích thú ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	9

*** Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.**

91	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ....	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	1-9
92	Trẻ vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	1-9
93	Trẻ phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. - Dùng các loại giấy khác nhau làm những chiếc túi xinh xắn tặng chú bộ đội - Dùng ống hút, giấy, bìa làm thuyền nổi trên mặt nước.	2,4,7
94	Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét. - Sử dụng màu vẽ ngôi nhà , vẽ bác sĩ	1,3,4,7,9

		<i>- Dùng màu vẽ ngôi làng của bé</i>	
95	Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong...và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	<p>- Sử dụng các kĩ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét.</p> <p><i>- Sử dụng các kĩ năng xé, cắt dán để tạo thành hình những bông hoa đào, hoa mai để trang trí cảnh hoa ngày tết. (Steam).</i></p> <p><i>- Sử dụng các kĩ năng cắt dán để tạo thành hình lá cờ có ngôi sao năm cánh ở giữa. (Steam).</i></p>	3,4,6,7,8
96	Trẻ biết làm lồm, đồ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	<p>- Sử dụng các kĩ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét.</p> <p><i>- sử dụng đất nặn nặn bông hoa nhiều màu sắc khác nhau.</i></p>	5,6
97	Trẻ biết phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	<p>- Sử dụng các kĩ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét.</p> <p><i>- Sử dụng các kĩ năng xếp cạnh ống hút, que kem... để tạo hình thành những chiếc thuyền nổi trên mặt nước. (Steam)</i></p>	7,9
98	Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét.	8
* Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)			
99	Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.	6
100	Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.	6
101	Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	<p>- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.</p> <p>- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý</p>	9

		thích.	
102	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	9

2. DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

3. STT	Chủ đề chính	Chủ đề nhánh/ dự án	Số tuần, thời gian thực hiện	Ghi chú (Lễ hội/ hoạt động/ dự án giáo dục steam)	Điều chỉnh bổ sung
1	Trường mầm non. 3 tuần Từ ngày (08/9 đến 26/9/2025)	- Trường Mầm non của bé.	1 tuần 8/9 - 12/9	- Ngày hội đến trường của bé. <i>- Dự án giáo dục steam: trò chuyện về trường mầm non</i>	
		- Lớp học của bé.	1 tuần 15/9 - 19/9		
		- Đồ dùng, đồ chơi của bé.	1 tuần 22/9 - 26/9		
2	Bản thân 3 tuần Từ ngày (29/9 đến 17/10/2025)	- Tôi là ai - Cơ thể tôi.	1 tuần 29/9 - 3/10	Tết trung thu <i>- Dự án giáo dục steam: khám phá bánh trung thu</i>	
		- Tết Trung thu	1 tuần 6/10-10/10		
		- Bé cần gì để lớn và khỏe mạnh.	1 tuần 13/10-17/10		
3	Gia Đình 4 tuần Từ ngày (20/10 đến 14/11/2024)	- Ngày thành lập hội liên hiệp phụ nữ 20/10	1 tuần 20/10 - 24/10	- Ngày thành lập hội liên hiệp Phụ nữ VN 20/10. <i>- Dự án steam: tuần 8 những người thân trong gia đình của bé</i>	
		- Những thành viên trong gia đình của bé.	1 tuần 27/10 - 31/10		
		- Đồ dùng gia đình.	1 tuần 3/11-6/11		
		- Nhu cầu dinh dưỡng trong gia đình.	1 tuần 10/11-14/11		
4	Ngành nghề 5 tuần Từ ngày (17/11 đến 19/12/2025)	- Ngày nhà giáo việt nam 20/11	1 tuần 17/11-21/11	- Ngày nhà giáo việt nam 20/11 - Ngày thành lập QĐND Việt Nam 22/12. <i>- Dự án</i>	
		- Nghề bác sĩ	1 tuần (24/11 - 28/12)		
		- Nghề sản xây dựng	1 tuần (1/12-5/12)		

		- Nghề sản xuất	1 tuần 8/12-12/12	<i>steam: tuần 12 nghề bác sĩ</i>	
		- Ngày thành lập QĐND Việt Nam 22/12.	1 tuần 15/12-19/12		
5	Động vật 3 tuần Từ ngày (22/12/2025 đến 9/1/2026)	- Các con vật nuôi trong gia đình.	1 tuần 22/12-26/12	<i>- Dự án giáo dục steam: Khám phá quả trứng.</i>	
		- Các con vật sống trong rừng.	1 tuần 29/12-2/1		
		- Các con vật sống dưới nước.	1 tuần 5/1-9/1		
6	Thực vật 4 tuần Từ ngày (12/1 đến 7/2/2026)	- Cây lương thực.	1 tuần 12/1-16/1	<i>- Ngày tết Nguyên Đán - Dự án steam tuần 20 một số loại hoa</i>	
		- Một số loại hoa.	1 tuần 19/1 - 23/1		
		- Một số loại rau, củ, quả.	1 tuần 26/1 – 30/1		
		- Tết và mùa xuân.	1 tuần 2/2-6/2		
7	Phương tiện giao thông. 4 tuần Từ ngày (23/02 đến 20/3/2026)	- Phương tiện giao thông bộ.	1 tuần 23/2- 27/2	<i>- Ngày quốc tế phụ nữ 8/3. - Dự án giáo dục steam: Làm thuyền nổi trên mặt nước.</i>	
		- Ngày 8/3.	1 tuần 2/3 – 6/3		
		- Một số luật giao thông đường bộ.	1 tuần 9/3 - 13/03		
		- Phương tiện giao thông đường thủy, hàng không.	1 tuần 16/3 - 20/3		
8	Nước và hiện tượng tự nhiên. 4 tuần Từ ngày (23/3 đến 17/4/2026)	- Nước.	2 tuần 23/3-3/4	<i>- Dự án giáo dục steam: Khám phá sự biến đổi của màu sắc.</i>	
		- Các hiện tượng tự nhiên.	1 tuần 6/4 - 10/4		
		- Thời tiết các mùa.	1 tuần 13/4 - 17/4		
9	Quê hương đất nước Bác Hồ. 5 tuần Từ ngày (20/4 đến 22/5/2026)	- Tuần Giáo quê em.	1 tuần 20/4 – 24/4	<i>- Ngày giải phóng miền Nam 30/4. - Ngày quốc tế lao động 1/5. - Mừng SN Bác 19/5.</i>	
		- Thủ đô Hà Nội.	1 tuần 27/4- 1/5		
		- Bác Hồ kính yêu.	1 tuần 4/5 - 8/5		

		- Đất nước Việt Nam.	2 tuần 11/5 - 22/5	- Tổng kết cuối năm. - Dự án steam: Tuần 31 Tuần Giáo quê em	
--	--	----------------------	-----------------------	---	--

IV. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GD KHỎI MG MG LỚN 5 - 6 TUỔI.

1. Mục tiêu, nội dung

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh
TT	Mục tiêu			
1. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT				
A. Phát triển vận động				
Các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp				
1	Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh, hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	<ul style="list-style-type: none">- Tay:<ul style="list-style-type: none">+ Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên (kết hợp với vẩy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân).+ Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.- Lưng, bụng, lườn<ul style="list-style-type: none">+ Ngửa người ra sau rồi kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái.+ Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái.+ Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.- Chân:<ul style="list-style-type: none">+ Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.+ Nhảy lên, đưa hai chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về phía sau.	Từ 1-10	
Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động				
2	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực	<ul style="list-style-type: none">- Đi trên ván kê dốc- Đi bằng mép ngoài bàn	2,3,4,6,8	

	<p>hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,3m) một đầu kê cao 03m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng 1 chân và giữ thẳng người trong 10s 	<p>chân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi trên dây (dây đặt trên sàn) - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát 		
3	<p>Trẻ kiểm soát được vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (Đổi hướng ít nhất 3 lần) 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi, chạy theo đường dích dắc - Đi nổi bàn chân tiến, lùi - Đi khụy gối 	1,3,4,5,7	
4	<p>Trẻ biết phối hợp tay – mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4m) - Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5m) - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tung và bắt bóng với người đối diện (khoảng cách 4m) - Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung, đập bắt bóng tại chỗ - Ném xa bằng 1 tay, hai tay - Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân - Đi đập và bắt bóng - Ném trúng đích bằng một tay, hai tay. 	2,3,4,5,6,9, 10	
5	<p>Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10s - Ném trúng đích đứng (Cao 1,5m, xa 2m) - Bò vòng qua 5-6 điểm dích dắc cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy 18m trong khoảng 10s - Chạy chậm khoảng 100-120m - Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay - Bò dích dắc qua 7 điểm - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Trèo lên xuống 7 gióng thang - Bật liên tục vào vòng - Bật xa 40-50cm - Bật – nhảy từ trên cao xuống (40-45cm) - Bật tách chân, khép chân 	1,2,3,4,5,6, 7,9,10	

		qua 7 ô - Bật qua vật cản cao 15-20cm. - Nhảy lò cò 5m		
Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt				
6	Trẻ thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn.	Từ 1- 9	
7	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số - Cắt được theo đường viền của hình vẽ - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu - Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa, phéc mơ tuya	- Tô, đồ theo nét - Lắp ráp - Xé, cắt đường vòng cung - Cài, cởi cúc, kéo khóa (Phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây	Từ 1-7, 9	
B. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe				
1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng với sức khỏe				
8	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: Rau, quả...	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm	2	
9	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; Thịt	- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	3	

	có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...			
10	Trẻ biết: Ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa bệnh tật (Ỉa chảy, sâu răng,...)	3	
2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt				
11	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch.	- Tập luyện kỹ năng đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	2	
12	- Trẻ được trải nghiệm chế biến một số món ăn đơn giản trong các chủ đề hợp lý.	- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	2, 3	
3. Giữ gìn sức khỏe và an toàn				
13	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe	1	

	đường.			
14	<p>Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết - Ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh. 	2,3	
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh				
15	<p>Trẻ biết được bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng 	8	
16	<p>Trẻ biết những nơi như: Hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn nguy hiểm đến tính mạng 	4	
17	<p>Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết: cười đùa trong khi ăn, uống 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng 	5	

	<p>hoặc khi ăn các loại quả có hạt sẽ bị hóc, sặc...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết không tự ý uống thuốc - Biết: Ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe. 			
18	<p>Trẻ nhận biết một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: Cháy, có bạn / người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: <ul style="list-style-type: none"> + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ 	6	
19	<p>Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.</p>		2	
20	<p>Trẻ thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi 		5,7	

	chơi - Đi bộ trên vỉa hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...			
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC				
a. Khám phá khoa học				
Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng				
21	Trẻ tò mò tìm tòi khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Các nguồn nước trong môi trường sống - Ích lợi của nước đối với con người, con vật và cây. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.	8	
22	Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả...và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Sự thay đổi sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - <i>Trẻ biết được tên gọi, cấu tạo của đôi bàn tay có 5 ngón (mu bàn tay, lòng bàn tay, đốt ngón tay...), biết đôi bàn tay là 1 bộ phận trên cơ thể vừa như 1 giác quan (xúc giác). (steam)</i>	2,8	
23	Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt / trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và sánh sự phát triển.	- Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật	5,6	
24	Trẻ biết thu thập thông tin về đối	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ	1,2,3,5,6,7	

	tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận	chơi. - Đặc điểm ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm, cấu tạo với cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc - Đặc điểm, công dụng của một số PTGT - Một số đặc điểm, tính chất của nước - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng		
25	Trẻ phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu. - Phân loại PTGT theo 2-3 dấu hiệu - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu. <i>- Trẻ biết được trong xã hội có nhiều nghề, trong đó có nghề nông, trẻ biết được công việc, 1 số dụng cụ của nghề nông, biết nghề nông làm ra nhiều sản phẩm, thóc, gạo, ngô, rau củ quả... biết trả lời câu hỏi cô đưa ra.(Steam)</i>	1,2,3,5,6,7	
Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản				
26	Trẻ biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: Nắp cốc có những giọt nước do hơi nước nóng bốc lên.	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó đối với cuộc sống con người, con vật và cây. <i>- Trẻ biết một số đặc điểm, tính chất của nước: Trong suốt không màu, không mùi, không vị.</i> <i>- Nước không có hình dạng cụ thể và có thể hòa tan hay không hòa tan một số chất.</i> <i>- Dạy trẻ biết được ích lợi của nước đối với con người,</i>	5,6,8	

		<i>con vật, cây cối. (steam)</i>		
27	Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.	5,6	
Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau				
28	Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.	Từ 1- 9	
29	Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...		Từ 1-9	
b. Làm quen một số khái niệm sơ đẳng về toán				
Nhận biết số đếm, số lượng				
30	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	1	
31	Trẻ biết gộp các nhóm trong phạm vi 10 và đếm	Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm	3,4,6,9	
32	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau		3,4,6,9	
33	Trẻ nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - Trẻ biết đếm số lượng từ 1 đến 10 bằng tiếng anh.	2,3,4,6,9	
34	Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe...)	9	
Sắp xếp theo quy tắc				
35	Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan	2	

36	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại	- So sánh phát hiện ra quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc	6	
37	Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	- Tạo ra quy tắc sắp xếp	6	
So sánh hai đối tượng				
38	Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	5,7,8	
Nhận biết hình dạng				
39	Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Nhận biết và gọi tên khối cầu, khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật. Nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu - Tạo ra một số hình học bằng các cách khác nhau	4,5	
Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian				
40	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước-phía sau; phía trên-phía dưới; phía phải-phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.	2,3	
41	Trẻ gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai - Gọi tên các thứ trong tuần.	10	
42	Trẻ quan tâm đến các con số như: Thích nói về số lượng và đếm, hỏi: “Bao nhiêu?”...		Từ 1- 10	
43	Trẻ so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.		8	
c. Khám phá xã hội				

Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng			
44	Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.	2
45	Trẻ nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình.	3
46	Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình (Số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ của gia đình	3
47	Trẻ nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non	1
48	Trẻ nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Công việc của các cô bác trong trường.	1
49	Trẻ nói họ tên, đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	1
Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương			
50	Trẻ nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: Nói Nghề nông dân làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây lên những ngôi nhà mới...	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.	4
Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh			
51	Trẻ kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của	- Các lễ hội tại địa phương.	9

	những dịp lễ hội: Ví dụ: Nói ngày Quốc khánh 2/9 ở bản em treo cờ...			
52	Trẻ kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương đất nước	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.	9	
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ				
Nghe hiểu lời nói				
53	Trẻ thực hiện các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái.	- Hiểu và làm theo được 2,3 yêu cầu liên tiếp	Từ 1-10	
54	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: PTGT, động vật, thực vật, đồ dùng (gia đình, học tập...)	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa	Từ 1- 7, 9	
55	Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	Từ 1-10	
56	- Thích tìm hiểu khám phá các nền văn hóa khác - Nghe và nhắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 10, một số từ, cụm từ chỉ sự vật, hiện tượng, hành động quen thuộc với lứa tuổi;	- Nghe bài văn vần, bài thơ, bài hát đơn giản, phù hợp với lứa tuổi.	Từ 2-10	
57	- Hứng thú trong các	- Nghe số đếm từ 1 đến 10	Từ 3-10	

	hoạt động làm quen với tiếng anh	bằng tiếng anh		
Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày				
58	Trẻ kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Kể lại sự việc theo trình tự.	5	
59	Trẻ sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh. - Trẻ nghe và nhắc lại được các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động rất đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi bằng tiếng Anh	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Phát âm tương đối rõ ràng các từ đơn lẻ, cụm từ và một số mẫu câu đơn giản, quen thuộc trong phạm vi từ vựng được làm quen. - Nghe và nhắc lại từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động rất đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi bằng tiếng Anh.	9	
60	Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.	2	
61	Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái của nhân vật...	- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh, tại sao?; có gì giống nhau; có gì khác nhau?; do đâu mà có? - Đặt các câu hỏi: Tại sao?; như thế nào?; làm bằng gì?	4	
62	Trẻ đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	Từ 1-10	
63	Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện ...trong nội dung truyện.	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh - Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.	7	

64	Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện	- Đóng kịch.	8	
65	Trẻ biết sử dụng các từ: Cảm ơn; xin lỗi; xin phép; thưa; dạ; vâng...phù hợp với tình huống - Trẻ biết nghe và nhắc lại các từ: Cảm ơn; xin lỗi; xin phép; thưa; dạ; vâng bằng tiếng Anh	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Làm quen với tranh ảnh, minh họa chỉ người, đồ vật, sự vật, và hành động rất đơn giản và quen thuộc có tiếng Anh phù hợp với độ tuổi. - Trẻ nghe và nhắc lại các từ: sorry, thank, yes, no...	1	
66	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	4	
Làm quen với việc đọc – viết				
67	Trẻ biết chọn sách để đọc và xem	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Giữ gìn, bảo vệ sách. - Đọc truyện qua các tranh vẽ.	Từ 1-10	
68	Trẻ kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân	- Kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự.	8,9,10	
69	Trẻ biết cách đọc sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới từ đầu sách đến cuối sách	- Làm quen với cách đọc viết Tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách	10	
70	Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra – vào, cấm lửa, biển báo giao thông. - Tìm hiểu , khám phá các nền văn hóa khác.	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ...) - Làm quen với một số ký hiệu bằng tiếng Anh thông thường phù hợp với độ tuổi: exit, open, close, toilet	7	
71	Trẻ nhận dạng được các chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Việt	- Nhận dạng các chữ cái.	Từ 1 -10	

72	Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình	- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình - Tập tô, tập đồ các nét chữ. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu	Từ 8-10	
73	- Tô màu một số nét, chữ cái tiếng anh	+ Tập tô màu một số nét, chữ cái, từ tiếng anh quen thuộc.	Từ 7- 10	
LĨNH VỰC TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI				
Thể hiện ý thức về bản thân				
74	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân - Trẻ thể hiện cảm xúc một cách lành mạnh, không gây tổn thương cho bản thân hay người khác.	2	
75	Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bề ngoài, sở thích và khả năng)	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - Trẻ nhận ra và gọi đúng tên các cảm xúc của bản thân và người khác.	2	
76	Trẻ biết mình là con/cháu/anh/chị/em trong gia đình.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.	3	
77	Trẻ biết vâng lời giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	Chủ động trong một số hoạt động. - Biết thể hiện tình cảm với ông bà, cha mẹ, anh chị em. - Biết chia sẻ, giúp đỡ các thành viên trong gia đình bằng hành động cụ thể. - Học cách nói lời yêu thương, xin lỗi, cảm ơn trong các tình huống hằng ngày.	2, 3	
Thể hiện sự tự tin, tự lực				
78	Trẻ tự làm được một số việc đơn giản hàng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)	- Độc lập trong một số hoạt động. - Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến - Trẻ nhận biết điểm mạnh của bản thân và tin tưởng vào khả năng của mình.	4	
79	Trẻ cố gắng tự hoàn	- Thực hiện công việc được	5	

	thành công việc được giao	giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)		
Nhận biết và thể hiện cảm xúc tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh				
80	Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc. - Trẻ cảm thấy vui vẻ, an toàn, yêu thích đến trường và biết chia sẻ với bạn bè, cô giáo. - Trẻ hiểu được cảm xúc của người khác và có phản ứng phù hợp. 	1	
81	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	<ul style="list-style-type: none"> - Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Trẻ hiểu được cảm xúc của người khác và có phản ứng phù hợp. 	3	
82	Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác - Biết cách chia sẻ cảm xúc với người lớn hoặc bạn bè - Trẻ biết nhận biết cảm xúc trước các hiện tượng tự nhiên và phản ứng phù hợp. 	7,8	
83	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	- Kính yêu Bác Hồ	9	
84	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	9	

	ăn...)của quê hương, đất nước			
85	- Trẻ được tham quan trải nghiệm một số khu vui chơi, di tích lịch sử của Tuần Giáo.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, ý nghĩa lịch sử, giáo dục trẻ yêu quý, bảo vệ cảnh đẹp quê hương.	9	
86	- Trẻ được tham gia chăm sóc, gieo trồng các loại cây, hoa tạo môi trường xanh, sạch, đẹp trong trường (lớp) của trẻ.	- Yêu thích các loại cây, hoa thích tạo môi trường xanh, sạch, đẹp.	6	
Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội				
87	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường.	4	
88	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - Trẻ biết yêu thương, gần gũi với các thành viên trong gia đình, hiểu và chia sẻ cảm xúc với người thân.	3	
89	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói không ngắt lời người khác.	- Lắng nghe ý kiến của người khác sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép lịch sự.	1	
90	Trẻ biết chờ đến lượt.	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận. - Học cách lắng nghe, chia sẻ, chờ đến lượt, hợp tác,...	9	
91	Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn - Biết xin lỗi, cảm ơn, và giúp đỡ bạn bè.	7	
92	Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can	- Nhận xét và tỏ thái độ, hành vi: Đúng – sai	7	

	thiếp của người khác chấp nhận nhường nhịn).			
Quan tâm đến môi trường				
93	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc	- Bảo vệ chăm sóc con vật, cây cối - Trẻ biết đồng cảm và yêu thương động vật. - Trẻ biết yêu thiên nhiên, biết trân trọng sự sống.	5,6	
94	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Giữ gìn vệ sinh môi trường	10	
95	Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái lá)	Một số quy định ở nơi công cộng. - Trẻ biết giữ an toàn và cảm thấy tự tin khi tham gia giao thông, đồng thời biết cách thể hiện cảm xúc khi gặp tình huống nguy hiểm.	7, 8	
96	Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Tiết kiệm điện, nước	8	
97	Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.		2,3	
98	Trẻ thể hiện được tình cảm với Bác Hồ qua hát, đọc thơ cùng cô, kể chuyện về bác Hồ.		9	
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ				
Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật				
99	Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm. Nói nên các cảm xúc của mình khi nghe các	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên.	3	

	âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.			
100	Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển) - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc 	Từ 1-9	
Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình				
102	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... - Hát theo, hát được một số bài hát quen thuộc với lứa tuổi bằng tiếng anh	<ul style="list-style-type: none"> - Hát đúng giai điệu lời ca và thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát. - Hát theo một số bài hát đơn giản phù hợp với lứa tuổi bằng tiếng anh 	Từ 1-10	
103	Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa)	<ul style="list-style-type: none"> - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. 	Từ 1-10	
104	Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. - <i>làm chữ cái khác nhau từ các nguyên liệu tự nhiên tạo thành (Steam)</i> - <i>Trẻ cầm bút, sử dụng kéo, miết gấp, cắt, dán...để làm ô tô tái(Steam)</i> - <i>Phối hợp nguyên liệu khác</i> 	Từ 1-10	

		<i>nhau có màu sắc hài hòa, cân đối để tạo ra bông hoa (steam)</i>		
105	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp các kỹ năng để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục - <i>Tạo ra được sản phẩm có tính thẩm mỹ. Biết sắp xếp, dán cho con cá được cân đối đẹp mắt. (Steam)</i> 	Từ 1-10	
106	Trẻ phối hợp được các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục - <i>Tạo hình lá cờ bằng các đường nét, hình dạng, nguyên vật liệu khác nhau. Trang trí hợp lý, màu sắc hài hòa. (Steam)</i> 	Từ 1-10	
107	Trẻ phối hợp được các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối, hài hòa	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục - <i>Trang trí và tạo hình cho chiếc túi giấy sáng tạo. (Steam)</i> 	Từ 1-10	
108	Trẻ phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục. - <i>Biết cách gắn dính các loại hạt, ống hút, cành cây, hoa lá... để tạo ra sự sáng tạo cho chiếc khung ảnh. Nhận ra vẻ đẹp của chiếc khung ảnh được thiết kế, trang trí hoàn thiện; Thể hiện được ý kiến cá nhân bằng lời nói về cái đẹp/sự hài hoà, cân đối của sản phẩm (Steam)</i> 	Từ 1-10	
109	Trẻ nhận xét được	- Nhận xét được các sản	Từ 2-10	

	các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục	phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét, bố cục		
Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật				
110	Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)	Từ 5,6,7,10	
111	Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	Từ 4,5,6,7,8,9,10	
112	Trẻ nói nên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	- Nói nên ý tưởng tạo hình của mình	Từ 3-10	
113	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình	Từ 5-10	

2. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

ST T	CHỦ ĐỀ GIÁO DỤC			(Lễ hội/hoạt động/dự án GD STEAM)	Điều chỉnh bổ sung
	Chủ đề chính	Chủ đề nhánh/dự án	Số tuần, thời gian thực hiện		
1	Trường mầm Non	- Trường mầm non - Lớp học của bé - Đồ dùng đồ chơi của lớp	1 tuần: 8- 12/9/2025 1 tuần: 15-19/ 9/2025 1 tuần: 22-26/ 9/ 2025	- Ngày hội đến trường của bé\ <i>Làm đồ chơi chữ cái (steam)</i>	
2	Bản thân	- Tết trung thu - Cơ thể bé - Bé cần gì để lớn và khỏe mạnh	1 tuần: 29/9 – 03/ 10/ 2025 1 tuần: 6- 10/10/ 2025 1 tuần: 13- 17/ 10/ 2025	- Tết trung thu - <i>Đôi bàn tay kì diệu (Steam)</i>	

3	Gia đình	<ul style="list-style-type: none"> - Ngôi nhà của bé - Gia đình của bé - Đồ dùng gia đình - Nhu cầu gia đình 	1 tuần: 20/10 - 24/10/2025 1 tuần: 27/10 - 31/10/2025 1 tuần: 3/11 - 7/11/2025 1 tuần: 10/11 - 14/11/2025	<i>- Thiết kế khung ảnh gia đình (Steam)</i>	
4	Nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - 20/11 - Nghề xây dựng - Nghề bác sỹ - Nghề nông - Nghề Bộ đội 	1 tuần: 17 - 21/11/2025 1 tuần: 24 - 28/11/2025 1 tuần: 01/12 - 5/12/2025 1 tuần: 8/12 - 12/12/2025 1 Tuần: 15/12 - 19/12/2025	- Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 <i>- KP: Tìm hiểu về nghề nông (steam)</i>	
5	Động vật	<ul style="list-style-type: none"> - Các con vật nuôi trong gia đình - Các con vật sống trong rừng - Các con vật sống dưới nước 	1 tuần: 22/12 - 26/12/2025 1 tuần: 29/12/2025 - 02/01/2026 1 tuần: 05/01/2026 - 09/01/2026	<i>- Làm con cá (Steam)</i>	
6	Thực vật	<ul style="list-style-type: none"> - Một số loại hoa - Một số loại quả - Một số loại rau, củ - Cây lương thực 	1 tuần: 12/01 - 16/01/2026 1 tuần: 19/1 - 23/01/2026 1 tuần: 26/1 - 30/01/2026 1 tuần: 02/2 - 06/2/2026	- Sơ kết học kì 1 <i>- Thiết kế bông hoa mùa xuân (Steam)</i> <i>- Nghỉ tết</i>	
7	Phương tiện giao thông	<ul style="list-style-type: none"> - PTGT đường bộ - Ngày 8/3 - PTGT đường thủy, hàng không - Một số luật GT, những quy định GT 	1 tuần: 23/2 - 27/2/2026 1 tuần: 02/3 - 6/3/2026 1 tuần: 9/3 - 13/3/2026 1 tuần: 16/3 - 20/3/2026	Ngày quốc tế phụ nữ 8/3 <i>- Làm ô tô tải (Steam)</i>	

8	Hiện tượng tự nhiên	<ul style="list-style-type: none"> - Nước - Thời tiết các mùa 	2 tuần: 23/03– 3/ 4/ 2026 2 tuần: 6/4– 17/ 04/ 2026	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Tìm hiểu về nước (Steam)</i> 	
9	Quê hương đất nước Bắc Hồ	<ul style="list-style-type: none"> - Tuần Giáo quê em - Thủ đô Hà Nội - Bắc Hồ với các cháu thiếu nhi 	1 tuần: 20/4– 24/ 04/ 2026 1 tuần: 26/4– 01/05/2026 1 tuần: 4/05– 8/ 5/ 2026	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày giải phóng miền Nam 30/4 - Ngày quốc tế lao động 1/5 - <i>Làm lá cờ (steam)</i> 	
10	Trường tiểu học	<ul style="list-style-type: none"> - Trường tiểu học 	2 tuần: 11/5– 22/ 5/ 2026	<ul style="list-style-type: none"> - Mừng SN Bác - Tổng kết cuối năm + vui tết thiếu nhi 1/6 - <i>Làm túi sách bằng giấy (steam)</i> 	

IV. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GD KHỎI MG MG GHÉP 3 + 4 + 5 TUỔI.

1. Mục tiêu, nội dung

TT	Độ tu ổi	Mục tiêu	Nội dung		Chủ đề thực hiện
			Riêng	Chung	
1. Lĩnh vực phát triển thể chất					
a) Phát triển vận động					
1	3T	Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	- Bắt chéo 2 tay trước ngực - Bước lên phía trước, bước sang ngang. - Co duỗi chân.	3,4,5T: Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Hai tay đưa lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (4+5T: kết hợp với vẫy bàn tay; 4T: nắm, mở bàn tay; 5T: quay cổ tay, kiễng chân).	Từ 1 – 10
2	4T	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	Vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, phía sau trên đầu. - Nhún chân. - Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	- Co và duỗi tay/ từng tay kết hợp kiễng chân	

3	5T	Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh, hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. Chân đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.	5T - Quay sang trái, sang phải (5T: kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái) - Nghiêng người sang trái, sang phải, 5T: Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. * 3,4 T: - Cúi về phía trước - Ngồi xổm, đứng lên. -BAT tại chỗ * 4-5T: - Ngửa người ra sau (5T: kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái)	
4	3T	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện các vận động - Đi được hết đoạn đường hẹp(3m x 0,2m) - Đi được kiễng gót liên tục 3m	- Đi trong đường hẹp - Đi kiễng gót - BAT tại chỗ - BAT xa 20 - 25cm		
5	4T	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.	- Đi bằng gót chân - Đi trên ghế thể dục - BAT xa 30 - 35cm - Nhảy lò cò 3m - BAT nhảy từ trên cao xuống 30 – 35cm	*3,4 tuổi: - BAT liên tục về phía trước - Đi lùi *4,5 tuổi: - Đi trên dây (đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn) - Đi khuyu gối - BAT tách khớp chân qua 5 – 7 ô - BAT qua vật cản cao 10-15 -20 cm	
6	5T	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,3m) một đầu kê cao 0,3m. + Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi	- Đi trên ván kê dốc - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát - Đi bằng mép ngoài bàn chân - Đi nổi bàn chân tiến lùi - BAT xa 40 - 45cm - Nhảy lò cò 5m		1, 2, 4, 5, 7, 8, 9, 10

		đi trên ghế thể dục. + Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây.	- Bật nhảy từ trên cao xuống 40 – 45cm - Bật liên tục vào vòng.		
7	3T	Trẻ kiểm soát được vận động: - Đi / chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh - Chạy được liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài		*3,4,5 tuổi: - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi thay đổi hướng (theo đường đích dắc; đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn; hướng, đích dắc theo hiệu lệnh). - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi hướng (theo đường đích dắc; đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn; thay đổi hướng theo hiệu lệnh)	1, 6, 8,
8	4T	Trẻ kiểm soát được vận động: đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc)			
9	5T	Trẻ kiểm soát được vận động: - Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (Đổi hướng ít nhất 3 lần)			
10	3T	Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m) - Tự đập – bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm)	- Lăn bóng cùng cô - Đập bắt bóng với cô - Tung bắt bóng với cô - Chuyển bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc		1, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10
11	4T	Trẻ có khả năng phối hợp tay mắt trong VĐ: - Tung bắt bóng với người đối diện bắt (cô/bạn) bắt được 3 lần liên không rơi bóng(khoảng cách 3m) - Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2m)	- Tung bắt bóng với người đối diện	*4,5 tuổi: - Tung bóng lên cao và bắt - Đập và bắt bóng tại chỗ - Đi và đập bắt bóng - Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân. - Ném trúng đích bằng 2 tay *3,4,5 tuổi: - Ném trúng đích bằng	

		- Tự đập, bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.		1 tay	
12	5T	Trẻ biết phối hợp tay – mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4m) - Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5m) - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp.	- Tung bắt bóng tại chỗ - Đi và đập bắt bóng		
13	3T	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m) - Bò trong đường hẹp (3mx0,4m) không chệch ra ngoài	- Bò theo hướng thẳng, đích dắc - Bò chui qua cổng - Trườn về phía trước - Bước lên, xuống bậc cao (30cm)	*3,4,5 tuổi: - Ném xa bằng 1 tay - Chạy chậm 60 – 80 – 120m	
14	4T	Trẻ có khả năng thể hiện nhanh mạnh khéo trong các bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây - Ném trúng đích ngang (xa 2m) - Bò trong đường đích dắc (3- 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	- Chạy 15m trong vòng 10 giây - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm	*4,5 tuổi: - Ném xa bằng 2 tay - Bò chui qua ống dài 1,2m - 1,5m x 0,6m - Bò bằng bàn tay, bàn chân 3 – 5m - Bò đích dắc qua 5 -7 điểm - Trèo lên, xuống 5 -7 gióng thang * 3,4 tuổi: - Trườn theo hướng thẳng	2, 3, 4, 6, 7, 8, 9
15	5T	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10s - Ném trúng đích đứng (Cao 1,5m, xa 2m) - Bò vòng qua 5-6	- Ném trúng đích bằng 2 tay - Chạy 18m trong khoảng 10s - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.		

		điểm dích dắc cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu.			
*Thực hiện các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay và mắt					
16	3T	Trẻ thực hiện được các vận động - Xoay tròn cổ tay - Gập, đan ngón tay vào nhau	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay - Đan tết		2, 3, 4
17	4T	- Thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau.	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nổi		
18	5T	Trẻ thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn.		
19	3T	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động - Vẽ được hình tròn theo mẫu - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm - Xếp chồng 8 – 10 khối không đồ - Tự cài, cởi cúc	- Tô vẽ nguệch ngoạc - Xé dán giấy - Sử dụng kéo, bút - Xếp chồng các hình khối khác nhau		7, 8, 10
20	4T	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay, mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 – 12 khối, - - Biết tết sợi đôi - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giấy	- Gập giấy - Lắp ghép hình - Xé, cắt đường thẳng - Tô, vẽ hình	* 3,4,5 tuổi: - Cài, cởi cúc * 4,5 tuổi: - Xâu, buộc dây	
21	5T	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay,	- Tô, đồ theo nét		

		ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số - Cắt được theo đường viền của hình vẽ - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya)	- Xé, cắt đường vòng cung - Lắp ráp - Kéo khóa (Phéc mơ tuya) luồn dây		
--	--	---	--	--	--

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

***Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe**

22	3T	Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...)	- Nhận biết một số thực phẩm quen thuộc		
23	4T	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá... có nhiều chất đạm - Rau, quả chín có nhiều VTM.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (tháp dinh dưỡng)		2, 3
24	5T	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: Rau, quả...	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm		
25	3T	Trẻ biết tên 1 số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	- Nhận biết một số món ăn quen thuộc	*3,4,5 tuổi: - Tên gọi, nguyên liệu và cách làm 1 số loại bánh như: bánh trôi, bánh rán, bánh bao, bánh nếp...	1, 5, 6
26	4T	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế	- Nhận biết dạng biết chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món	- Cùng tham gia vào các hoạt động trải nghiệm	

		biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo.	ăn	nếu: Làm bánh trôi, bánh rán, bánh bao, làm đồ uống	
27	5T	Trẻ được trải nghiệm, chế biến một số món ăn, thức uống đơn giản trong các chủ đề phù hợp.	- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.		
28	3T	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau			
29	4T	Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.		*3,4,5 tuổi: - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)	2, 4, 10
30	5T	Trẻ biết: Ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe			
* Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt					
31	3T	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo...		* 3-4-5 Tuổi: - Làm quen cách/tập/ tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt. - Tập/rèn luyện tạo tác/tập luyện kỹ năng: rửa tay bằng xà phòng.	2, 3, 4
32	4T	Trẻ thực hiện một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.		* 4-5 tuổi: - Đi vệ sinh đúng nơi quy định	

33	5T	<p>Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch. 			
34	3T	Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách			
35	4T	Trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn			
36	5T	Sử dụng đồ dùng ăn uống thành thạo			
37	3T	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi			
38	4T	<p>Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ <p>Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau....</p> <p>Không uống nước lã</p>		<p>*3,4,5 tuổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe của con người. 	6, 7, 8
39	5T	<p>Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thực ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài 			

		đường.			
40	3T	<p>Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. 		
41	4T	<p>Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học - Biết nói với người lớn khi bị đau chảy máu, hoặc sốt... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định. 		<p>*3,4,5 tuổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng - Nhận biết 1 số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Nhận biết 1 số biểu hiện khi ốm (3T) Cách phòng tránh đơn giản (4T), nguyên nhân và cách phòng tránh (5T) 	8, 9, 10
42	5T	<p>Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Bỏ rác đúng nơi 		<p>*4-5 tuổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp thời tiết - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết 	

		quy định; không nhờ bây ra lớp.			
43	3T	Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (Bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) Khi được nhắc nhở		*3,4,5 tuổi: - Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng	3, 4
44	4T	Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc, nhọn không nên nghịch.			
45	5T	Trẻ biết được bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.			
46	3T	Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (Hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở		*3,4,5 tuổi: - Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn nguy hiểm đến tính mạng	7, 8
47	4T	Nhận ra những nơi như: hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước.... là nơi nguy hiểm không được chơi gần.			
48	5T	Trẻ biết những nơi như: Hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.			
49	3T	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:		*3,4,5 tuổi: - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính	

		<ul style="list-style-type: none"> - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không tự lấy thuốc uống - Không leo trèo bàn ghế, đũa can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. 		mạng	
50	4T	<p>Trẻ biết 1 số HĐ nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không ăn thức ăn có mùi ôi ; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. 			6, 9, 10
51	5T	<p>Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt sẽ bị hóc, sắc... - Biết không tự ý uống thuốc - Biết: Ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, 			

		hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.			
52	4T	<p>Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: Cháy, có người rơi xuống nước, ngã, chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. <p>Nói được tên, địa chỉ gia đình, SĐT người thân khi cần thiết.</p>			
53	5T	<p>Trẻ nhận biết một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: Cháy, có bạn / người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: <ul style="list-style-type: none"> + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo <ul style="list-style-type: none"> - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. 		<p>* 4,5 tuổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ 	2, 3
54	5T	Trẻ thực hiện đúng một số quy định ở trường, nơi công	- Một số quy định ở		

		<p>cộng về an toàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè: đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào... 	trường, nơi công cộng về an toàn		
--	--	--	----------------------------------	--	--

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

55	3T	Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện tượng nắng mưa, nóng lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. 		
56	4T	Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng; "vì sao cây lại héo?" Vì sao lá cây bị ướn"...	<ul style="list-style-type: none"> - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người 		5, 7
57	5T	Trẻ tò mò tìm tòi khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...	<ul style="list-style-type: none"> - Một số HTTT thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa 		
58	3T	Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. 	<p>* 3,4,5 tuổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nổi bật (3T), công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi (4,5T) - Tên, đặc điểm, công dụng của một số PTGT quen thuộc. 	

59	4T	Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.	- Trẻ được tham gia các hoạt động steam, dự án steam như: Dự án (thời trang bé yêu, ngôi nhà, bác nông dân, con cá vàng, củ cải trắng, giao thông, mùa hè, núi đồi quê em)	1, 2, 5, 6, 7, 8
60	5T	Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - Quá trình phát triển của cây, con vật, hoa, quả.	* 4,5 tuổi: - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo và cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	
61	3T	Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày		
62	4T	Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, ví dụ: pha màu/ đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.		* 4, 5 tuổi: - Quan sát, phán đoán mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống - Các nguồn nước trong môi trường sống	3, 4, 6
63	5T	Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt / trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và sánh sự phát triển.			
64	3T	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô		* 3,4,5 tuổi: - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Ích lợi của nước đối	8

		giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.		với đời sống con người, con vật và cây.	
65	4T	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau; xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.			
66	5T	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận			
67	3T	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật			
68	4T	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc 2 dấu hiệu.		*4,5 tuổi: - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 – 2 dấu hiệu (4T), 2-3 dấu hiệu (5T) - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 – 2 dấu hiệu (4T), 2-3 dấu hiệu (5T) - Phân loại PTGT theo 1-2 dấu hiệu(4T); 2-3 dấu hiệu (5T)	1, 3, 5, 6, 7
69	5T	Trẻ phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.			
70	3T	Trẻ nhận ra được một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày		
71	4T	Trẻ biết nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng gần gũi. VD; “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt / mặn hơn”	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	*4,5 tuổi: - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó đối với cuộc sống con người, con vật và cây.	8
72	5T	Trẻ biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: Nắp cốc có những giọt nước do hơi nước nóng bốc lên.	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.	- Một số đặc điểm, tính chất của nước - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.	
73	4T	Trẻ biết sử dụng cách		*4, 5 tuổi:	5, 6

		thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản, VD: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.		- Cách chăm sóc và bảo vệ, con vật, cây.	
74	5T	Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.			
75	3T	Trẻ biết mô tả được những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm	*4,5 tuổi: - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả (4T) một số con vật, cây, hoa, quả (5T)	1, 5, 6, 8
76	4T	Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.		- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 – 3 đồ dùng đồ chơi (4T) và sự đa dạng của chúng (5T)	
77	5T	Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.		- Sự khác nhau giữa ngày và đêm (4,5T); mặt trời, mặt trăng (5T)	
78	3T	Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...			10
79	4T	Trẻ thể hiện được một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình ..		*3,4,5 tuổi: - Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục của hoạt động vui chơi, âm nhạc, tạo hình.	
80	5T	Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...			
* Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán					
81	3T	Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng	- 1 và nhiều	*3,4 tuổi: - Ghép đôi	3, 7
82	4T	Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: “Bao			3

		nhiều?” ; “Là số mấy?”...			
83	5T	Trẻ quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm; “Bao nhiêu?” ; “Đây là mấy?”	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan		
84	3T	Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5	* 3, 4, 5 T: - Đếm trên đối tượng/đếm trong phạm vi (5; 10) và đếm theo khả năng	3, 4, 5, 6 9
85	4T	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10		
86	5T	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng	- Đếm trong phạm vi 10		
87	3T	Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		*4,5 T: - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi (5; 10) và đếm theo khả năng. *3,4 tuổi: - Xếp tương ứng 1 -1	3
88	4T	Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.			
89	5T	Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.			
90	3T	Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.			
91	4T	Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.			
92	5T	Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm			

		vi 10 và đếm.			
93	3T	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.		*3,4 tuổi: - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	
94	4T	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	- Gộp/Tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.		
95	5T	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.			
96	4T	Trẻ biết sử dụng các số từ 1 – 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.		*4,5 tuổi: - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi (5;10)	3, 4, 5, 6, 9
97	5T	Trẻ nhận biết các số từ 5 – 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.			
98	4T	Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày		*4,5 tuổi: Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà, biển số xe,...)	7
99	5T	Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày			
100	3T	Trẻ nhận ra được quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại	Xếp xen kẽ.		6
101	4T	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.		*4,5 tuổi: - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	5, 6
102	5T	Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.			
103		Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại	Tạo ra quy tắc sắp xếp		
104		Trẻ sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp			
105	3T	Trẻ biết so sánh được 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao	So sánh 2 đối tượng về kích thước		5

		hơn/thấp hơn; bằng nhau			
10 6	4T	Trẻ biết sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài 1 vật bằng 1 đơn vị đo - Đo dung tích bằng 1 đơn vị đo		
10 7	5T	Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.		4, 8
10 8	3T	Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: hình tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để ghép.		1, 7, 10
10 9	4T	Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)	So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật	*4,5 tuổi: Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu	1, 7, 10
11 0		Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản			
11 1	5T	Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau. - Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối đó trong thực tế.		
11 2	3T	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong	Nhận biết phía trên – phía dưới, phía trước – phía sau, tay		1, 2

		không gian so với bản thân.	phải – tay trái của bản thân.		
11 3	4T	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác		*4,5 tuổi: - Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái). (với một vật nào đó làm chuẩn 5T)	
11 4	5T	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.			
11 5	4T	Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.		8
11 6	4T	Trẻ biết mô tả sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày			
11 7	5T	Trẻ gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các thứ trong tuần; các mùa trong năm		
* Khám phá xã hội					
11 8	3T	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	Tên, tuổi, giới tính của bản thân.		2
11 9	4T	Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện		*4,5 tuổi: - Họ tên, tuổi/ ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân (vị trí của trẻ trong gia đình 5T)	
12 0	5T	Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.			
12 1	3T	Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình		*3,4,5T: Tên/họ tên, công việc/nghề nghiệp của bố mẹ; Các thành viên trong gia đình; Địa chỉ gia đình *4,5 T: Một số nhu cầu/Nhu cầu của gia đình.	3
12 2	4T	Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình			
12 3	5T	Trẻ nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng			

		ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình .			
12 4	3T	Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình			3
12 5	4T	Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình(số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.			
12 6	5T	Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình (Số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại khi được hỏi, trò chuyện.	Sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn)		
12 7	3T	Trẻ nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	Tên các bạn, đồ dùng đồ chơi của lớp. các hoạt động của trẻ ở trường		1
12 8	4T	Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.		* 3,4T: Tên lớp mẫu giáo/địa chỉ của trường, lớp	
12 9	5T	Trẻ nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.		*3,4,5T: Tên và công việc của cô giáo *4,5T: các cô, bác trong trường	
13 0	4T	Trẻ nói được tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.		Tên các bạn, đồ dùng đồ chơi của lớp. Họ tên và 1 vài đặc điểm của các bạn, đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường	
13 1	5T	Trẻ nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.			
13 2	4T	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường.		1
13	5T	Trẻ nói họ tên, đặc	- Đặc điểm, sở thích		

3		điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.		
13 4	3T	Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng...khi được hỏi, xem tranh	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến		4
13 5	4T	Trẻ biết kể tên công việc, công cụ, công cụ, sản phẩm/ ích lợi...của 1 số nghề khi được hỏi, trò chuyện.		* 4,5 tuổi: - Tên gọi, công cụ, sản phẩm các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.	
13 6	5T	Trẻ nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: Nói Nghề nông dân làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây lên những ngôi nhà mới...			
13 7	3T	Trẻ biết kể tên một số lễ hội: ngày khai giảng, tết trung thu... qua trò chuyện tranh ảnh	Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.	*3,4,5 tuổi: - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước	9
13 8	4T	Trẻ kể được tên và nói được đặc điểm của một số ngày lễ hội.		- Tên gọi các hoạt động ngoại khóa như: Tổ chức Tết trung thu, hội chợ xuân...	
13 9	5T	Trẻ kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội: Ví dụ: Nói ngày Quốc khánh 2/9 ở bản em treo cờ...		- Tên 1 số di tích lịch sử danh lam thắng cảnh ở địa phương: Cảnh đẹp của xã Tuần Giáo, đèo Pha Đin, núi đồi quê em...)	
14 0	3T	Trẻ biết kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương		- Tên, 1 số hoạt động của các ngày lễ, hội trong trường mầm non 20/7	9
14 1	4T	Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.		- Tổ chức hoạt động trải nghiệm về các lễ hội của địa phương như: hội chợ xuân...	
14 2	5T	Trẻ kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương đất nước		- Cùng tham gia vào các hoạt động trải nghiệm như: Thăm quan đường làng, ngõ xóm, hội	

				trường khối bản...	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ					
*Nghe hiểu lời nói					
14 3	3T	Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản. Ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”		*3,4,5 tuổi: - Hiểu và làm theo (yêu cầu đơn giản; 2-3 yêu cầu; 2-3 yêu cầu liên tiếp)	9, 10
14 4	4T	Trẻ thực hiện được 2,3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: ”Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.			
14 5	5T	Trẻ thực hiện các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái.			
14 6	3T	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả....	Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng, gần gũi, quen thuộc		1, 2, 3
14 7	4T	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công cụ và các từ biểu cảm.		
14 8	5T	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: PTGT, động vật, thực vật, đồ dùng (gia đình, học tập...)	Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.		
14 9	3T	Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại		*3,4,5 tuổi: - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, 5T (câu phức) - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	4, 5
15 0	4T	Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.			
15 1	5T	Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.			
15 2	3T	Trẻ nghe hiểu 1 số từ quen thuộc bằng tiếng			6, 7, 8

		Anh		*3,4,5 tuổi: - Nghe từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh quen thuộc với lứa tuổi.	
15 3	4T	Trẻ nghe số từ 1 đến 5, một số từ cụm từ rất đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi bằng tiếng Anh	- Nghe số từ 1 - 5		
15 4	5T	- Trẻ hứng thú trong các hoạt động làm quen với tiếng Anh	- Nghe số đếm từ 1 đến 10 bằng tiếng Anh		
Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày					
15 5	3T	Trẻ nói rõ ràng các tiếng	- Phát âm các tiếng của tiếng việt		
15 6	4T	Trẻ biết nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó,		
15 7	5T	Trẻ kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu		8, 9, 10
15 8	3T	Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...		*3,4 tuổi: - Trả lời và đặt các câu hỏi: "Ai?" ; "Cái gì?" ; "Ở đâu?" ; "Khi nào?"	
15 9	4T	Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...			
16 0	5T	Trẻ sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh.	- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: "Tại sao?"; "Có gì giống nhau?"; "Có gì khác nhau?" ; "Do đâu mà có?"... - Đặt các câu hỏi: "Tại sao?"; "Như thế nào?"; "Làm bằng gì?"....		4, 5, 6
16 1	3T	Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép			
16 2	4T	Trẻ biết sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.		*3,4,5 tuổi: - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng	1, 2, 3
16 3	5T	Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ		

		định, câu mệnh lệnh...	hiểu bằng các câu ghép khác nhau.		
16 4	3T	Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: đi thăm ông bà, đi chơi, đi xem phim...		*3,4,5 tuổi: - Kể lại sự việc.	4, 5, 7
16 5	4T	Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự.	- Kể lại theo nhiều tình tiết		
16 6	5T	Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái của nhân vật...	- Kể lại theo trình tự		
16 7	3T	Trẻ đọc thuộc bài thơ ca dao, đồng dao		*3,4,5 tuổi: - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè	1, 2, 3, 4 5, 6, 7, 8 9, 10
16 8	4T	Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...			
16 9	5T	Trẻ đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...			
17 0	3T	Trẻ kể lại được truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn	- Kể lại một vài tình tiết của chuyện đã được nghe.		1, 2, 3, 4 6, 8, 9 10
17 1	4T	Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.		*4,5 tuổi: - Kể lại truyện đã được nghe (5T theo trình tự)	
17 2	5T	Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện ...trong nội dung truyện.			
17 3	3T	Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện	Đóng vai theo lời dẫn truyện của GV		9, 10
17 4	4T	Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.		*4,5 tuổi: - Đóng kịch	
17 5	5T	Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện			
17 6	3T	Trẻ biết sử dụng các từ: vâng, dạ, thưa...trong giao tiếp		*3,4 tuổi: - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép	3
17 7	4T	Trẻ biết sử dụng các từ như: "mời cô", "mời bạn" "cảm ơn", "xin			

		lỗi”... trong giao tiếp.			
17 8	5T	Trẻ biết sdụng các từ: Cảm ơn; xin lỗi; xin phép; thưa; dạ; vâng... phù hợp với tình huống	Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng		
17 9	3T	Trẻ nói đủ nghe không nói lí nhí			
18 0	4T	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.		*3,4,5 tuổi: - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp	10
18 1	5T	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.			
*Làm quen với việc đọc – viết					
18 2	3T	Trẻ đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.		*3,4,5 tuổi: - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau	2, 3
18 3	4T	Trẻ biết chọn sách để xem.			
18 4	5T	Trẻ biết chọn sách để đọc và xem			
18 5	3T	Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.		
18 6	4T	Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh		*4, 5 tuổi: - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách - Giữ gìn sách	4, 5, 6
18 7	5T	Trẻ kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân	Bảo vệ sách		
18 8	3T	Trẻ thích vẽ, "viết" nguệch ngoạc		*4, 5 tuổi: - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ *3, 4, 5 tuổi: - Làm quen với cách đọc tiếng Việt - Hướng đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Đọc ngắt nghỉ sau các dấu	8, 9, 10
18 9	4T	Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh. ”đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”)			
19 0	5T	Trẻ biết cách đọc sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới từ đầu sách đến cuối sách			
19 1	4T	Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ		*3,4,5 tuổi: - Làm quen với 1 số kí hiệu thông thường trong	1, 7

		sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...		cuộc sống: (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ...)	
19 2	5T	Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo GT			
19 3	4T	Trẻ biết sử dụng ký hiệu để "viết"; Tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	Tập tô, đồ các nét chữ	<div>*4, 5 tuổi: - Nhận dạng 1 số chữ cái (4T), các chữ cái (5T)</div> <div>*3, 4, 5 tuổi: - Làm quen với cách viết tiếng Việt - Hướng viết các nét chữ</div>	1 -> 10
19 4	5T	- Trẻ nhận dạng được các chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Việt	Sao chép 1 số kĩ hiệu, chữ cái, tên của mình		
19 5		- Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình			
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội					
*Thể hiện ý thức về bản thân					
19 6	3T	Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân		<div>*3,4 tuổi: - Tên, tuổi, giới tính.</div>	2
19 7	4T	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.			
19 8	5T	Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại			
19 9	3T	Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	<div>- Những điều bé thích, không thích: + Chỉ và nói “Con thích... (đồ chơi, món ăn, màu sắc, bài hát)”.</div> <div>+ Thể hiện cảm xúc vui sướng khi được chơi, hát, hoặc ăn món mình thích.</div> <div>+ Cảm nhận được sự tự tin khi được khen ngợi.</div>		2
20 0	4T	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	<div>- Vui sướng, tự hào khi làm được việc đơn giản (xếp tháp, vẽ bông hoa, đọc</div>	<div>*4,5 tuổi: - Sở thích khả năng của bản thân</div>	

			thơ). - Chia sẻ sở thích với bạn.		
201	5T	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến: + Nói rõ sở thích và khả năng của mình: “Con thích múa ...”. + Tự hào khi hoàn thành nhiệm vụ, khi được khen ngợi + Đồng cảm, chia sẻ và tôn trọng sở thích của bạn, không chê bai. + Đưa ra quyết định phù hợp với sở thích (chọn trò chơi, chọn vai trong đóng kịch)		
202	5T	Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bề ngoài, sở thích và khả năng)	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác		1, 2, 3
203		Trẻ biết mình là con/cháu/anh/chị/em trong gia đình.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.		
204		Trẻ biết vâng lời giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Chủ động trong một số hoạt động.		
*Thể hiện sự tự tin, tự lực					
205	3T	Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi			4, 8, 10
206	4T	Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích			
207	5T	Trẻ tự làm được một số việc đơn giản hàng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)	Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi)		
208	3T	Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi)			4, 5, 6

20 9	4T	Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)			
21 0	5T	Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao	Chủ động và độc lập trong một số hoạt động		
*Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh					
21 1	3T	Trẻ nhận ra cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh	- Nhìn tranh ảnh, búp bê hoặc gương để chỉ ra “mặt cười vui, mặt mếu - buồn - Nhận biết qua giọng nói (cô nói giọng vui - vui, giọng run - sợ).		
21 2	4T	Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc ngạc nhiên qua tranh ảnh: + Nhận biết và gọi tên được: “Bạn đang cười - bạn vui”, “Bạn khóc - bạn buồn”.		2
21 3	5T	Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh ảnh, âm nhạc: + Nhận diện và mô tả: “Khi bạn giận thì nhăn mặt, giọng to; khi bạn buồn thì mặt rũ xuống, giọng nhỏ”.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt cử chỉ, giọng nói.	
21 4	3T	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận	Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ; giọng nói; trò chơi; hát, vận động: - Bắt chước cử chỉ: cười, khóc, che mặt khi sợ, nhăn mặt khi giận...		3
21 5	4T	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc	Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ;		

		nhiên.	giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ nặn, xếp hình: + Phân biệt giọng nói: vui thì to, rõ; buồn thì nhỏ, chậm; tức giận thì to, gắt; sợ thì run run. + Biết bày tỏ cảm xúc của mình bằng lời nói: “Con vui lắm”, “Con sợ quá”.		
21 6	5T	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau: + Nói được nguyên nhân dẫn đến cảm xúc vui, buồn... + Biết chia sẻ và đưa ra phản ứng phù hợp: an ủi bạn khi buồn, tránh làm bạn tức giận.		
21 7	3T	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ		*3,4,5 tuổi: - Kính yêu Bác Hồ - Nhận biết hình ảnh Bác Hồ, gọi được tên “Bác Hồ”.	9
21 8		Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ			
21 9	4T	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ			
22 0	5T	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)			
22 1	4T	Trẻ thích thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.		*4,5 tuổi: - Thể hiện tình cảm kính yêu Bác Hồ bằng hành động: lễ phép, chăm học, biết giúp đỡ bạn bè như: Kể chuyện về Bác Hồ. Tổ chức hoạt động tạo hình: vẽ, xé dán chân	9
22 2	5T	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động			

		của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)		dung Bác Hồ. Biểu diễn văn nghệ về Bác Hồ...	
22 3		Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ			
22 4	4T	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước.	Chia sẻ cảm xúc khi tham gia hội chợ xuân, Tết trung thu....	*4,5 tuổi: - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	9
22 5	5T	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước	Tự hào, yêu quê hương qua tranh ảnh, bài hát; học cách thể hiện cảm xúc bằng lời nói.		
22 6	3T	- Trẻ được tham quan trải nghiệm một số khu vui chơi, di tích lịch sử của xã Tuần Giáo.		- Quan tâm đến di tích lịch sử, ý nghĩa lịch sử, giáo dục trẻ yêu quý, bảo vệ cảnh đẹp quê hương	9
22 7	4T				
22 8	5T				
*Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội					
22 9	3T	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.		*3,4,5 tuổi: - Một số quy định ở lớp, gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). *4,5 tuổi: - Một số quy định ở lớp, nơi công cộng (trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường) - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình	1, 3, 7
23 0	4T	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.			
23 1	5T	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.			

23 2	3T	Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn).		
23 3	4T	Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép		*4,5 tuổi: - Sử dụng lời nói, cử chỉ lễ phép, (5T) lịch sự.	7, 10
23 4	5T				
23 5	3T	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói		*4,5 tuổi: - Lắng nghe ý kiến của người khác	4, 5, 8
23 6	4T				
23 7	5T	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác			
23 8	3T	Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	Chơi hòa thuận với bạn.	*3,4 tuổi: - Chờ đến lượt, hợp tác	7
23 9	4T	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở			
24 0	5T	Trẻ biết chờ đến lượt	Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.		
24 1	4T	Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (Chơi, trực nhật...)		*4,5 tuổi: - Quan tâm, giúp đỡ bạn *3,4 tuổi: - Phân biệt hành vi ‘đúng – sai’, tốt- xấu	1, 5, 6
24 2	5T	Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	- Chia sẻ với bạn - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi ‘đúng – sai’, tốt- xấu		
24 3		Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác chấp nhận nhường nhịn).			
*Quan tâm đến môi trường					
24 4	3T	Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây		*3,4,5 tuổi: - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.	5
24 5	4T	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc			
24 6	5T				
24 7	3T	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định		*3,4,5 tuổi: - Giữ gìn vệ sinh môi	6

24 8	4T			trường	
24 9	5T				
25 0	4T	Trẻ không bẻ cành, bứt hoa.			
25 1	5T	Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...)			
25 2	4T	Trẻ không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.		*3,4,5 tuổi: - Tiết kiệm điện nước.	8
25 3	5T	Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.			

5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ

****Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật***

25 4	3T	Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận mình khi nghe của các âm thanh gợi cảm ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng.			2, 4, 10
25 5	4T	Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.			
25 6	5T	Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm. Nói nên các cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.			

25 7	3T	Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc: Thích nghe, đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca)		2, 3, 5, 7
25 8	4T	Trẻ biết chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) Theo bài hát, bản nhạc.; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu truyện.		*4,5 tuổi: - Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau: nhạc thiếu nhi, dân ca, (5T nhạc cổ điển)	
25 9	5T	Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo BH, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu truyện.	Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc		
26 0	3T	Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng) của các tác phẩm tạo hình.		*3,4 tuổi: - Bộc lộ cảm xúc, (4T phù hợp) khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	4, 5
26 1	4T	Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm, nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.			
26 2	5T	Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói nên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục..) của tác phẩm tạo hình	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên		

			nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật		
*Một số kỹ năng trong các hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình					
26 3	3T	Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.			
26 4	4T	Trẻ có thể hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt. Điệu bộ...		* 3,4,5 tuổi: - Hát đúng giai điệu lời ca của bài hát. *4, 5 tuổi: - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10
26 5	5T	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...			
26 6	3T	Trẻ vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).			
26 7	4T	Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)		* 3,4,5 tuổi: - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ, gõ đệm theo phách nhịp *4,5 tuổi: - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo tiết tấu	1, 3, 4, 6
26 8	5T	Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với bài hát, bản nhạc.		
26 9	3T	Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.		
27 0	4T	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.		2, 3, 4, 5 6, 7, 10
27 1	5T	Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra		

			các sản phẩm.		
27 2	3T	Trẻ vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành các bức tranh đơn giản.	Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo thành sản phẩm đơn giản.		1, 3, 6, 8 9
27 3	4T	Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra các sản phẩm có màu sắc đường nét.		
27 4	5T	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục		
27 5	3T	Trẻ xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	Sử dụng một số kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành sản phẩm đơn giản.		4, 7
27 6	4T	Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	Sử dụng các kỹ năng cắt, xé, dán để tạo ra các sản phẩm có màu sắc kích thước, hình dáng/đường nét		
27 7	5T	Trẻ phối hợp được các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục		
27 8	3T	Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có một khối hoặc hai khối.	Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm đơn giản.		3, 6, 8
27 9	4T	Trẻ biết làm lồi, dẹt, bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	Sử dụng các kỹ năng nặn để tạo ra các sản phẩm có màu sắc kích thước, hình dáng		
28 0	5T	Trẻ phối hợp được các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối, hài hòa	Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục		

281	3T	Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm đơn giản		5
282	4T	Trẻ có thể phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra các sản phẩm có màu sắc hình dáng		
283	5T	Trẻ phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục		
284	3T	Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình.		*3,4,5 tuổi: - Nhận xét các sản phẩm tạo hình. *4,5 tuổi: - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét, (5T bố cục)	4 -> 10
285	4T	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.			
286	5T	Trẻ nhận xét được các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục			
*Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật					
286	3T	Trẻ vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.		1, 2, 3
287	4T	Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc	Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc		
288	5T	Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.		
289	4T	Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát		4, 5
290	5T	Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu, hoặc 1		

			đoạn)		
29 1	3T	Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích, nội dung.	Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.		7, 8
29 2	4T	Trẻ nói nên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích		*4,5 tuổi: - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình	
29 3	5T				
29 4	3T	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.		*3,4,5 tuổi: - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	9, 10
29 5	4T				
29 6	5T				

2. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian	Stt	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ hội	Dự án Steam
(08/09 – 26/09/2025)	1	Trường Mầm non	Trường Mầm non thân yêu	1	Khai giảng (tổ chức vào ngày 5/9)	
			Lớp mẫu giáo của bé	1		
			Đồ dùng đồ chơi của lớp	1		
(29/09 – 17/10/2025)	2	Bản thân	Tết trung thu	1	Tết trung thu (Tổ chức vào 15/8 âm lịch)	Dự án thời trang bé yêu
			Tôi là ai	1		
			Cơ thể bé	1		
(20/10 – 14/11/2025)	3	Gia đình	Những người thân yêu của bé	1	Ngày phụ nữ Việt Nam	Dự án ngôi nhà
			Ngôi nhà của bé	1		
			Công việc của các tv trong gia đình bé	1		
			Đồ dùng gia đình bé	1		
(17/11 – 19/12/2025)	4	Nghề nghiệp	Ngày lễ 20/11	1	Ngày nhà giáo VN 20/11	Dự án bác nông dân
			Nghề nông	1		
			Nghề xây dựng	1		
			Nghề y	1		
			Nghề thợ may	1		
(22/12 – 9/01/2026)	5	TGDV	Ngày lễ 22/12	1	Ngày QĐND VN 22/12	Dự án con cá vàng
			Những con vật xung quanh bé	1		
			Động vật sống dưới nước	1		
(12/01 – 6/02/2026)	6	TGTV	Cây xanh	1	Tết Nguyên Đán	Dự án củ cải trắng
			Loài hoa bé thích	1		
			Bé thích quả nào	1		
			Rau củ quê em	1		

(23/02 – 20/03/2026)	7	PTGT	Xe quanh bẻ	1		Dự án giao thông
			Biẻn báo giao thông đg bộ	1		
			Máy bay	1		
			Thuyền, bẻ	1		
(23/03 – 17/4/2026)	8	HTTN	Nước	1		Dự án mùa hè
			Thời tiết	1		
			Các mùa trong năm	1		
			Ngày và đẻm	1		
(20/4 – 8/5/2026)	9	Quẻ hương - Đẻt nước - Bẻc Hồ	Tuần Giáo quẻ em	1	Kỉ niệm ngày sinh nhật Bẻc 19/5	Dự án đỏi núi quẻ em
			Thủ đò Hà Nội	1		
			Bẻc Hồ với các cháu thiếu nhi	1		
(11/5 – 22/5/2026)	10	Trường Tiểu Học	Trường Tiểu học	2		

Nơi nhận:

- Chuyên môn nhà trường
- Tổ CM, GV
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH



Phạm Thị Phụng

Hoàng Thị Bẻy

TÀI LIỆU DÀNH CHO BAN ANH H

Được tải về từ hệ thống edoc.sims.edu.vn lúc 14:22 13/01/2026 bởi Hoàng Thị Bẻy (mn207_hoangthibay) – Trường Mầm non 20/7